

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thúy Nga**  
**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Ninh Thị Thùy Trang**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH NAM TRANG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thúy Nga  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Ninh Thị Thùy Trang**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Thúy Nga

Mã SV: 1613401001

Lớp: QTL1001K

Ngành: Kế Toán – Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và  
xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH  
Nam Trang.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

**( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo Thông tư 200.
- Mô tả, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thực trạng hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang năm 2017
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang năm 2017.

## **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

Sử dụng số liệu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang năm 2017

## **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

Công ty TNHH Nam Trang

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày      tháng      năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày      tháng      năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2018*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

### PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ninh Thị Thùy Trang  
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh  
Họ và tên sinh viên: Trần Thúy Nga Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán  
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang  
Nội dung hướng dẫn: Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ sở mô tả thực trạng tại đơn vị, đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho đơn vị.

#### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Ý thức tốt trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.
- Đảm bảo thời gian thực hiện đúng tiến độ quy định.

#### 2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối khoa học và hợp lý, chia làm 3 chương:

**Chương I:** Tác giả hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 200.

**Chương II:** Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2017). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán tương đối logic.

**Chương III:** Tác giả đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2019*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ninh Thị Thùy Trang

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200</b> .....	2
1.1 Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp .....	2
1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	8
1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán .....	9
1.5.4 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....	13
1.5.4.1 Kế toán chi phí bán hàng .....	13
1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính .....	18
1.6.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	18
1.6.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	20
1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí khác .....	22
1.7.1 Kế toán thu nhập hoạt động khác .....	22
1.7.2 Kế toán chi phí hoạt động khác .....	24
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM TRANG</b> .....	32
2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang .....	32
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nam Trang .....	32
2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Nam Trang .....	35
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Nam Trang .....	37
2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Nam Trang .....	37
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	37
2.2.2.....Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH Nam Trang.....	52



2.2.3 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Nam Trang .....	59
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM TRANG .....</b>	<b>81</b>
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Nam Trang .....	81
3.1.1 Ưu điểm.....	81
3.1.2 Hạn chế.....	82
3.2 Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại công ty TNHH Nam Trang .....	82
3.2.1 Giải pháp 1: Áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	82
3.2.2 Giải pháp 2: Mở sổ chi tiết doanh thu cho từng loại hình vận tải .....	85
3.4.3 Giải pháp 3: Mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh cho từng hoạt động và thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường quản lý chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. ....	87
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>88</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>89</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển, với những chính sách mở cửa và hội nhập, các ngành kinh tế trong nước ngày càng có nhiều cơ hội cũng như thách thức để trưởng thành hơn. Và vận tải là một trong những ngành không thể không kể đến.

Nắm bắt được thời cơ, cũng như thấy được tương lai mở rộng của ngành vận tải Công ty TNHH Nam Trang đã tiến hành hoạt động dịch vụ vận tải đường bộ và trở thành một trong những doanh nghiệp lớn mạnh và được nhiều khách hàng tin tưởng. Bên cạnh đó cũng không thể không kể đến những khó khăn, khi nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh. Chính vì vậy để duy trì sự phát triển của Doanh nghiệp cần đòi hỏi phải không ngừng nâng cao phương pháp kinh doanh, mở rộng thị trường để ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thương trường. Điều đó đòi hỏi công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng phải liên tục nâng cao và hoàn thiện.

Trong các doanh nghiệp, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những yếu tố cơ bản để xác định kết quả kinh doanh. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, cùng với những kiến thức đã học ở trường, qua thời gian tìm hiểu thực tế hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Nam Trang cùng với sự hướng dẫn của Ths. Ninh Thị Thùy Trang, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán của công ty với đề tài:

***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang”***

*Bài khóa luận bao gồm ba chương:*

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 200

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang

Với thời gian thực tập tại công ty TNHH Nam Trang chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng. Em hy vọng những ý kiến trong bài viết sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 04 tháng 01 năm 2019

Sinh viên

**Trần Thúy Nga**

## CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THEO THÔNG TƯ 200

### 1.1 Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- *Bán hàng*: là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- *Doanh thu*: là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài bán.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Thời điểm ghi nhận doanh thu*: là thời điểm doanh nghiệp đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm; hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hóa đơn bán hàng.

Đối với hàng hóa sản phẩm bán thông qua đại lý, doanh thu được xác định khi hàng hóa gửi đại lý đã được bán.

Đối với các hoạt động tài chính thì thời điểm xác định doanh thu theo quy định sau:

+ Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, tiền bản quyền ... xác định theo thời gian của hợp đồng cho vay, cho thuê, bán hàng hoặc kỳ hạn nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

+ Lãi chuyển nhượng vốn, lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại nợ phải thu, nợ phải trả và số dư ngoại tệ xác định khi báo cáo tài chính cuối năm.

- *Kết quả hoạt động kinh doanh*: là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm ba hoạt động cơ bản:

+ *Hoạt động sản xuất kinh doanh*: là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

+ *Hoạt động tài chính*: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục đích kiếm lời

+ *Hoạt động khác*: là các hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp

## **1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Doanh nghiệp bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế giao dịch bán hàng

- Xác định được các chi phí liên quan để giao dịch bán hàng.

## **1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trong trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định

#### **1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Xác định chính xác kết quả kinh doanh góp phần cung cấp thông tin giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

#### **1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### ***1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

###### ***\* Chứng từ sử dụng:***

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ có liên quan

\* **Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu được dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực, ...

- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp...

- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán...

- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo yêu cầu nhà nước

- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư

- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng, doanh thu bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác

Nợ	TK 511	Có
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định đã bán trong kỳ kế toán		- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ

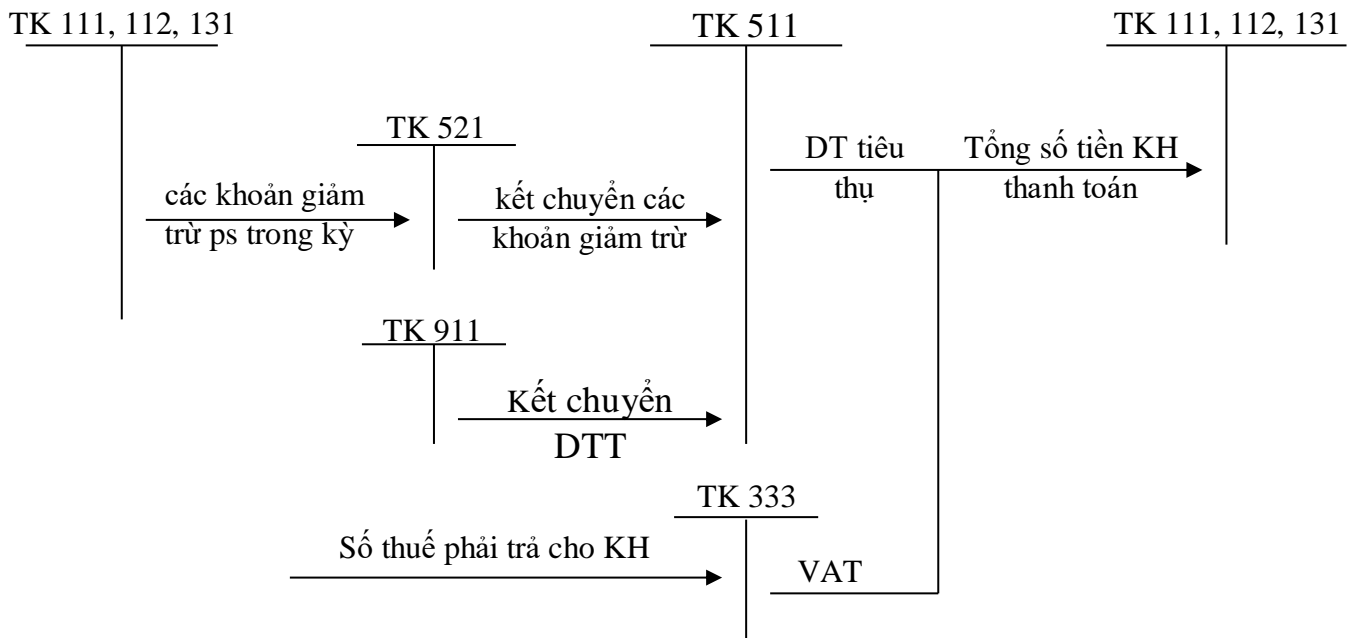
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

-

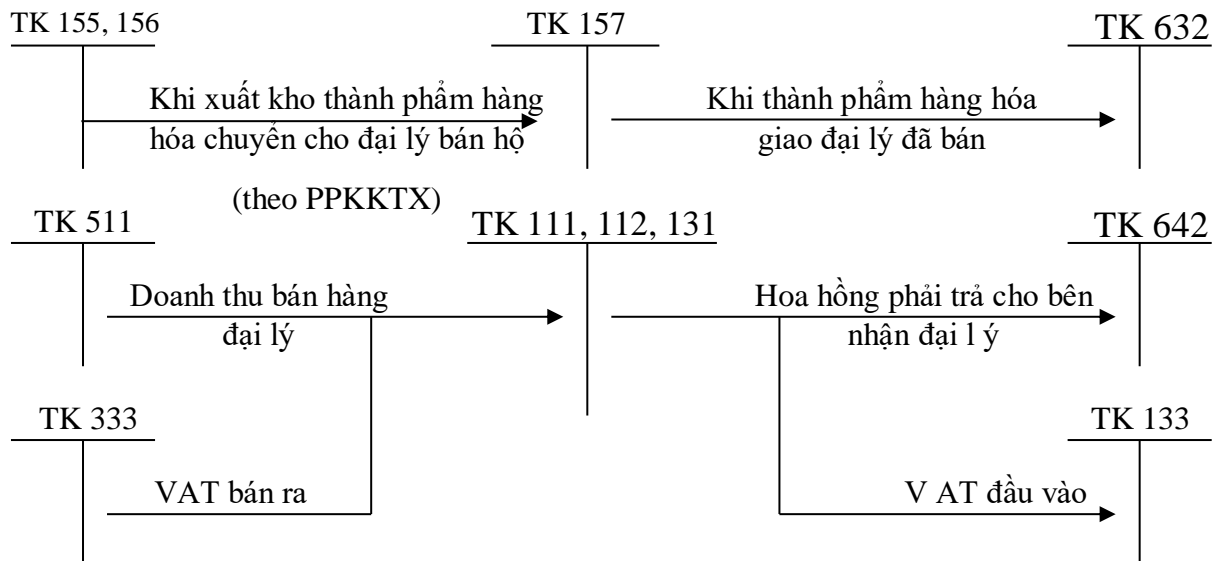
-

**Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ**

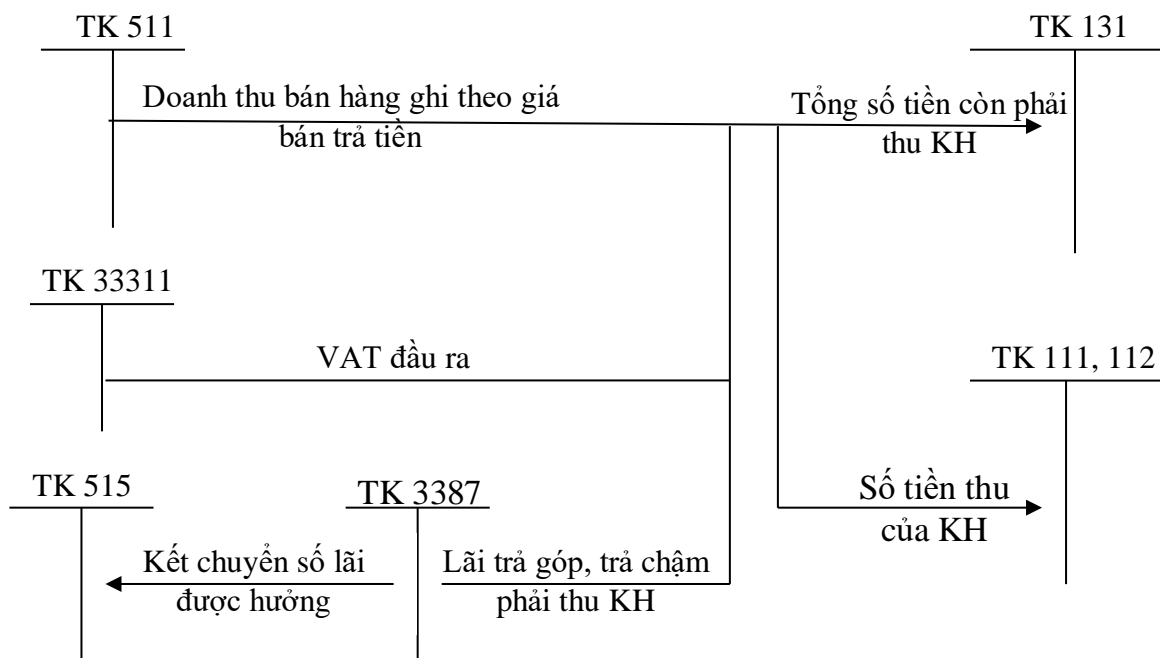
**Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp**



**Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**



**Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm**





### 1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB, thuế XK được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- *Chiết khấu thương mại*: là khoản giảm trừ cho người mua do người mua, mua hàng với số lượng lớn theo thỏa luận

Tài khoản sử dụng: TK 5211 – Chiết khấu thương mại

- *Hàng bán bị trả lại*: là số hàng được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối do các nguyên nhân thuộc về người bán.

Tài khoản sử dụng: TK 5212 – Hàng bán bị trả lại

- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn.

Tài khoản sử dụng: TK 5213 – Giảm giá hàng bán

❖ Các khoản thuế làm giảm doanh thu

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

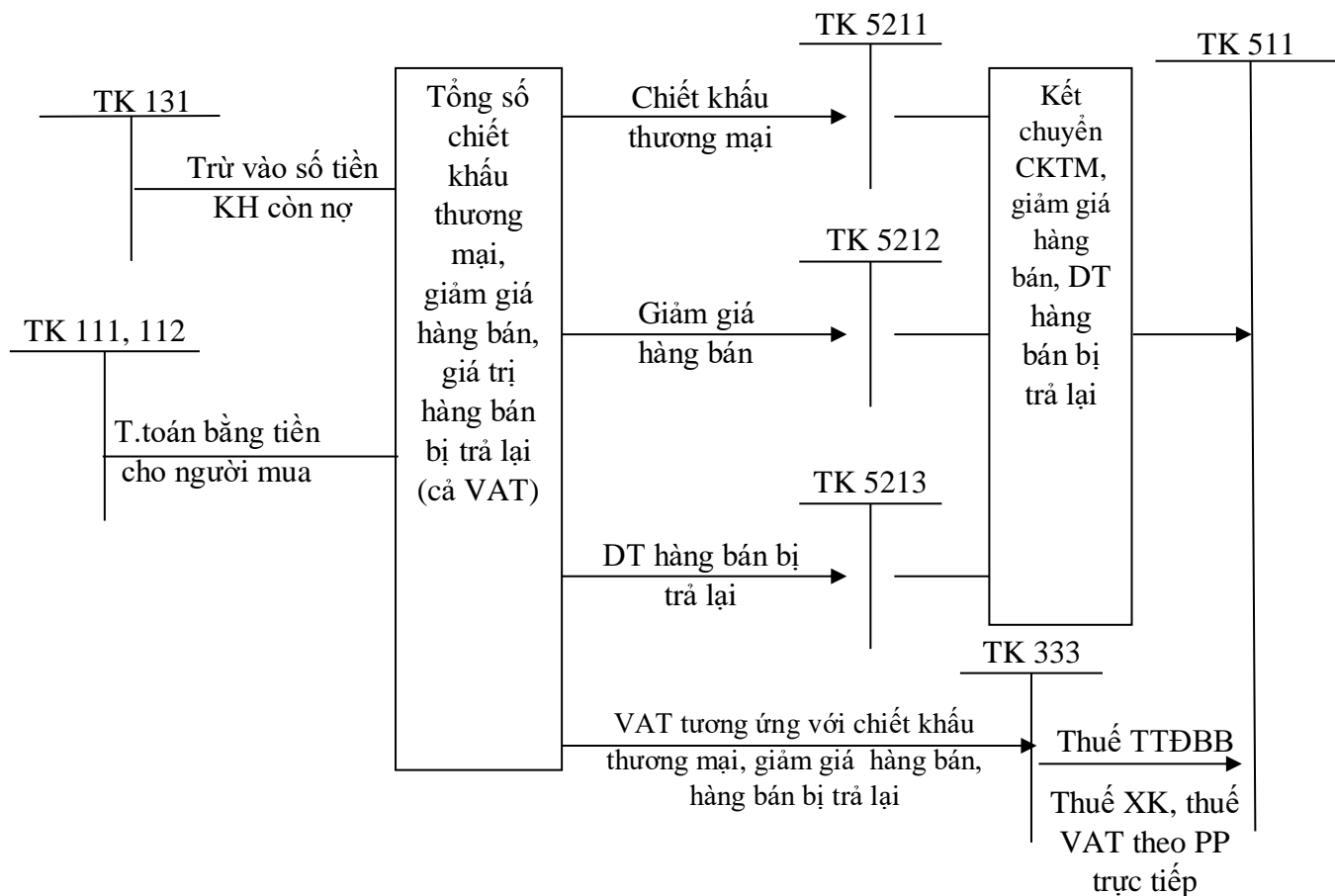
$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất}$$

- Thuế xuất khẩu: là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam

$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

**Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu****1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác được phát sinh được tính vào giá vốn hàng hóa để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong các phương pháp sau:

➤ **Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng để tính giá thực tế của hàng xuất trước. Như vậy giá trị

hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

➤ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương này, doanh nghiệp phải quản lý hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó.

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền:** theo phương pháp này trị giá hàng xuất kho được xác định bằng:

$$\frac{\text{Trị giá hàng xuất kho}}{\text{Đơn giá xuất kho}} = \frac{\text{Đơn giá xuất kho}}{x} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập thứ } i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập thứ } i}$$

➤ **Phương pháp giá bán lẻ**

- Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng

\* **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho

\* **Tài khoản sử dụng: TK 632** – Giá vốn hàng bán

**\* Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ</li> <li>- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> <li>- Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính</li> <li>- Kết chuyển giá vốn hàng hóa để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>
-		-

**Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

**\* Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Phương pháp KKTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục và các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên

Trị giá vốn của hàng tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kế toán

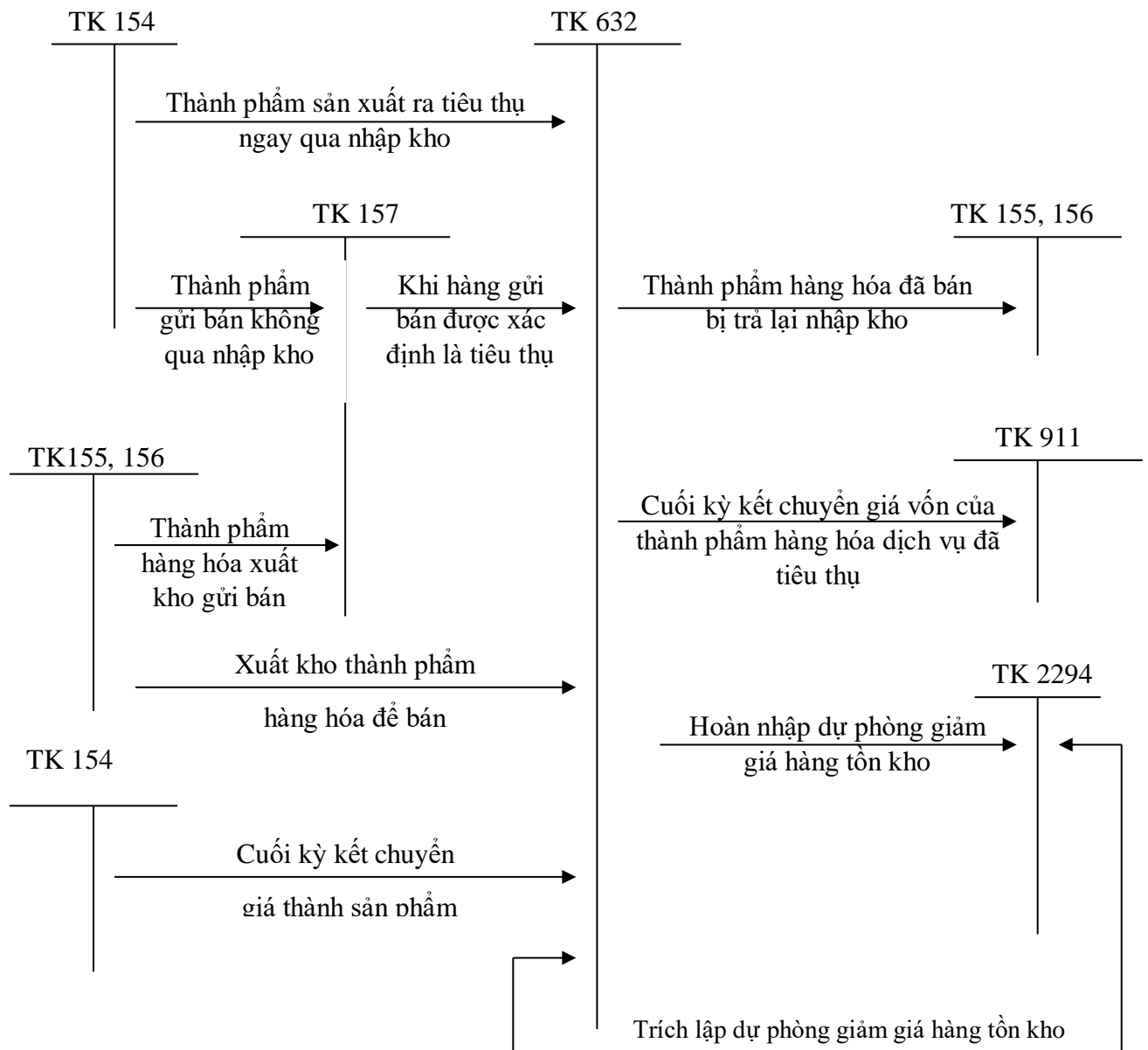
Sơ đồ hạch toán giá vốn theo phương pháp KKTX được thể hiện qua sơ đồ 1.5

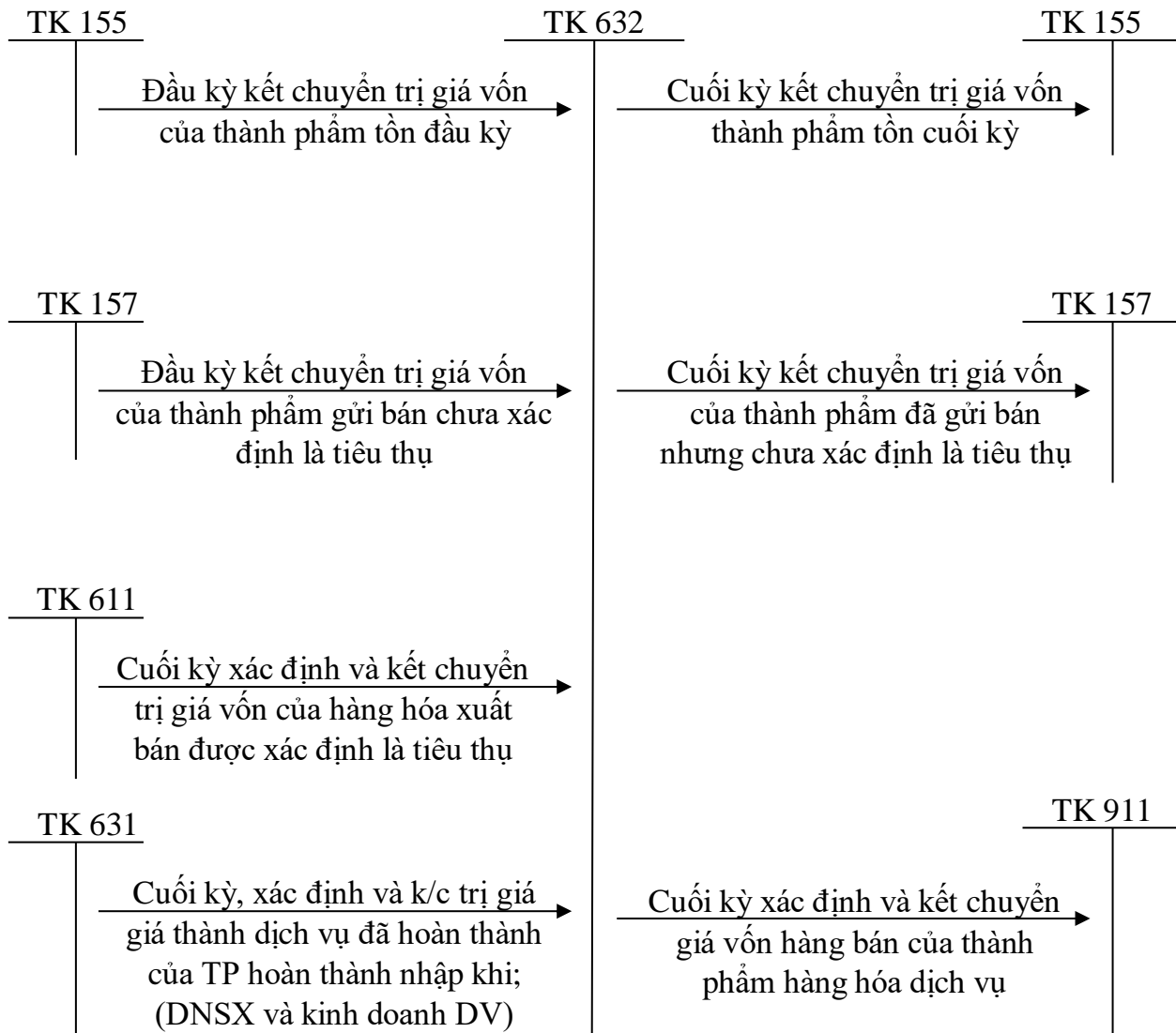
**\* Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn của thành phẩm hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho TK 152, 153, 155 ... Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ

Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn của hàng hóa nhập kho, mua hàng, xác định giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

$$\text{Trị giá vật tư xuất kho} = \text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \frac{\text{Tổng trị giá vật tư mua vào trong kỳ}}{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ}} - \text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ}$$

**Sơ đồ 1.5: Hạch toán ghi giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên**

**Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK****1.5.4 Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp****1.5.4.1 Kế toán chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng: là tất cả chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán liên quan tới hoạt động bán hàng, sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm
- Chi phí bán hàng, đóng gói, vận chuyển hàng hóa
- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác bán hàng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài...

**\* Tài khoản sử dụng: Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

Có các tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu bao bì
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ đồ dùng
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua hàng
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

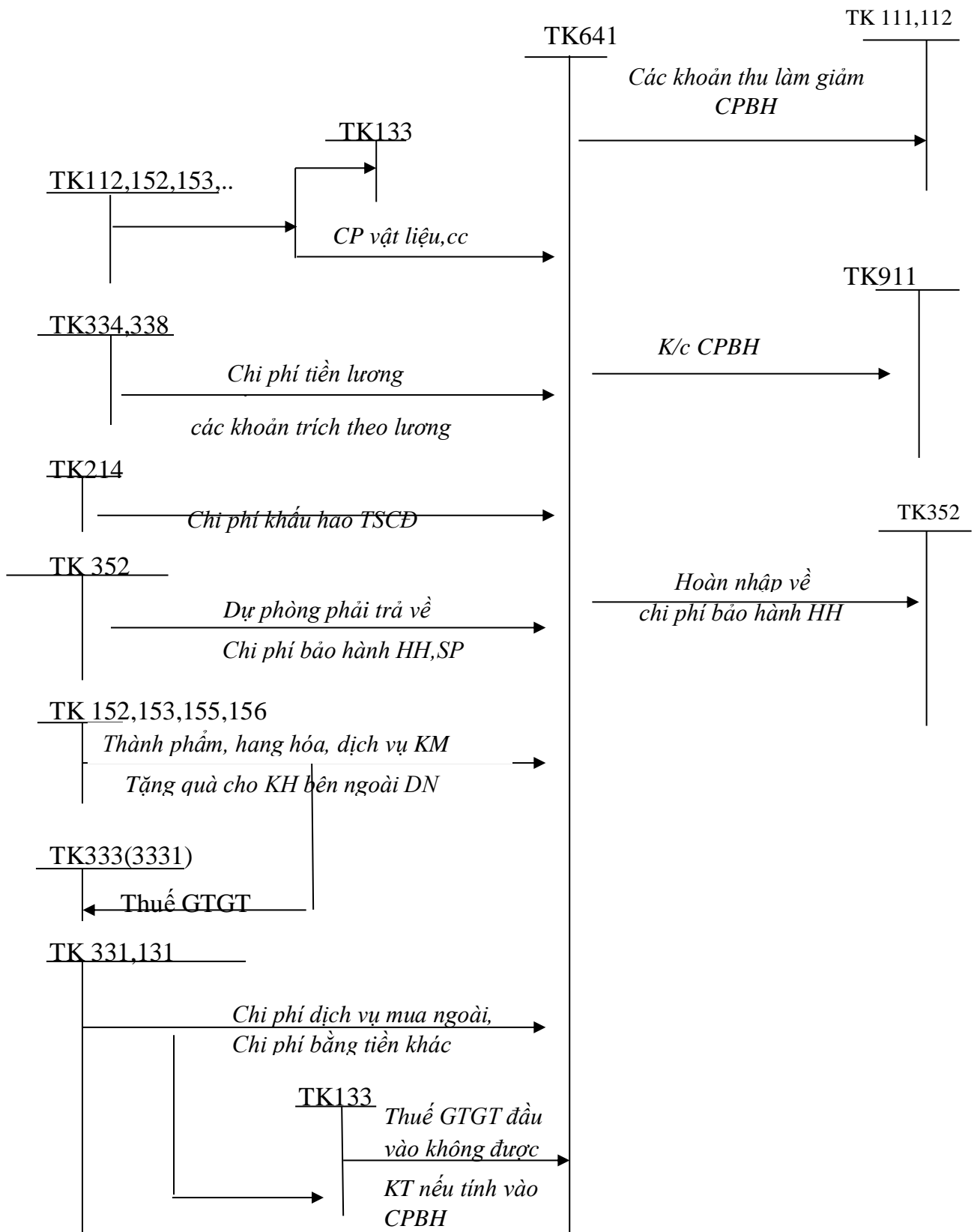
**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan khác

**\* Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 641	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản giảm chi phí bán hàng</li> <li>- Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập hợp các chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ</li> </ul>	
-		-

**Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.**

**Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng.**



**1.5.4.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là tất cả các khoản chi phí trực tiếp phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản sau:

- Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động
- Khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp
- Tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các chi phí bằng tiền khác...

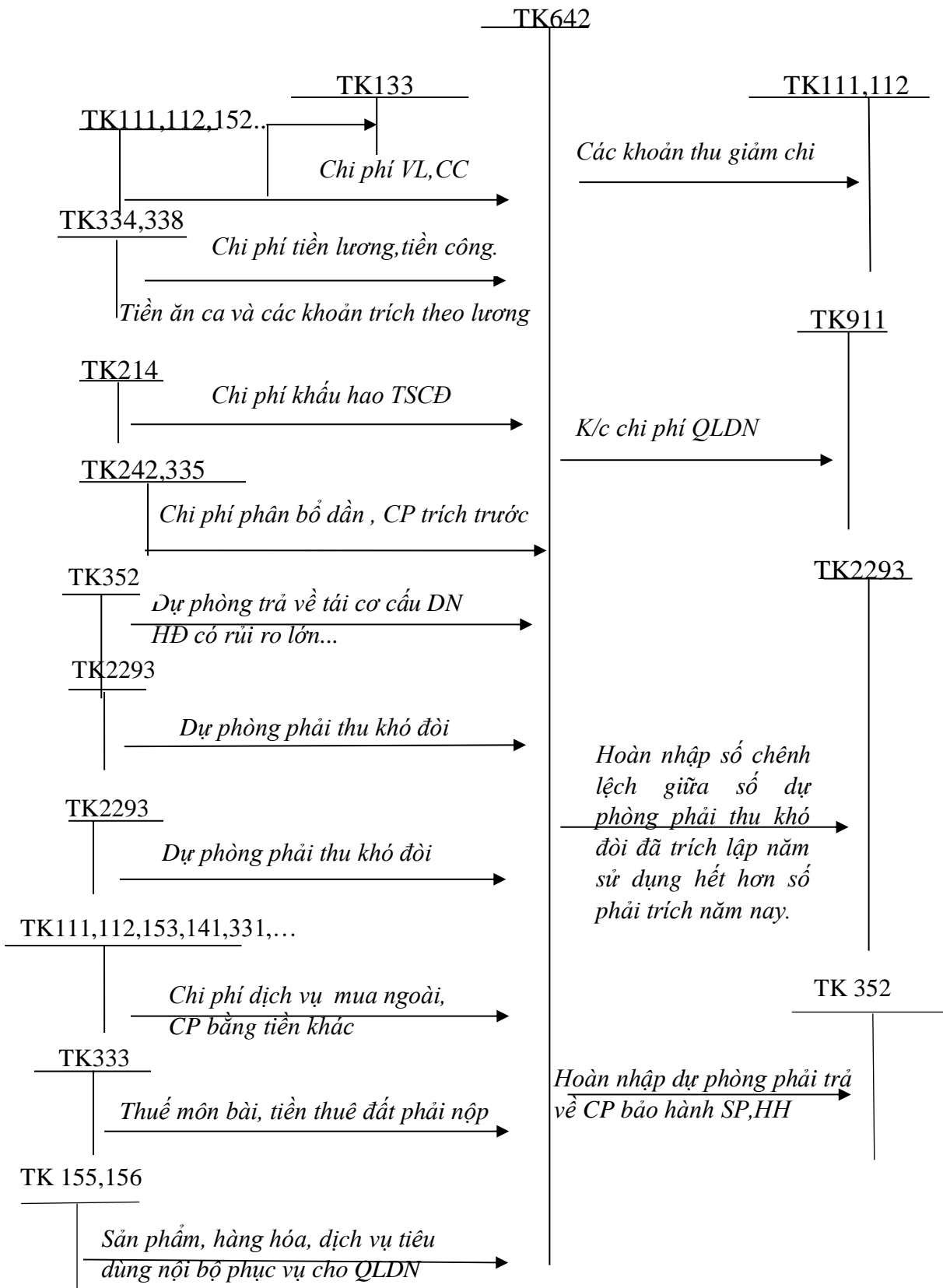
\* **Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642** – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

\* **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí quản lý trong kỳ	- Các khoản làm giảm chi phí quản lý trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh	

**Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

## 1.6 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

### 1.6.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số khoản sau: Tiền lãi, lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp... Cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

#### \* Chứng từ sử dụng

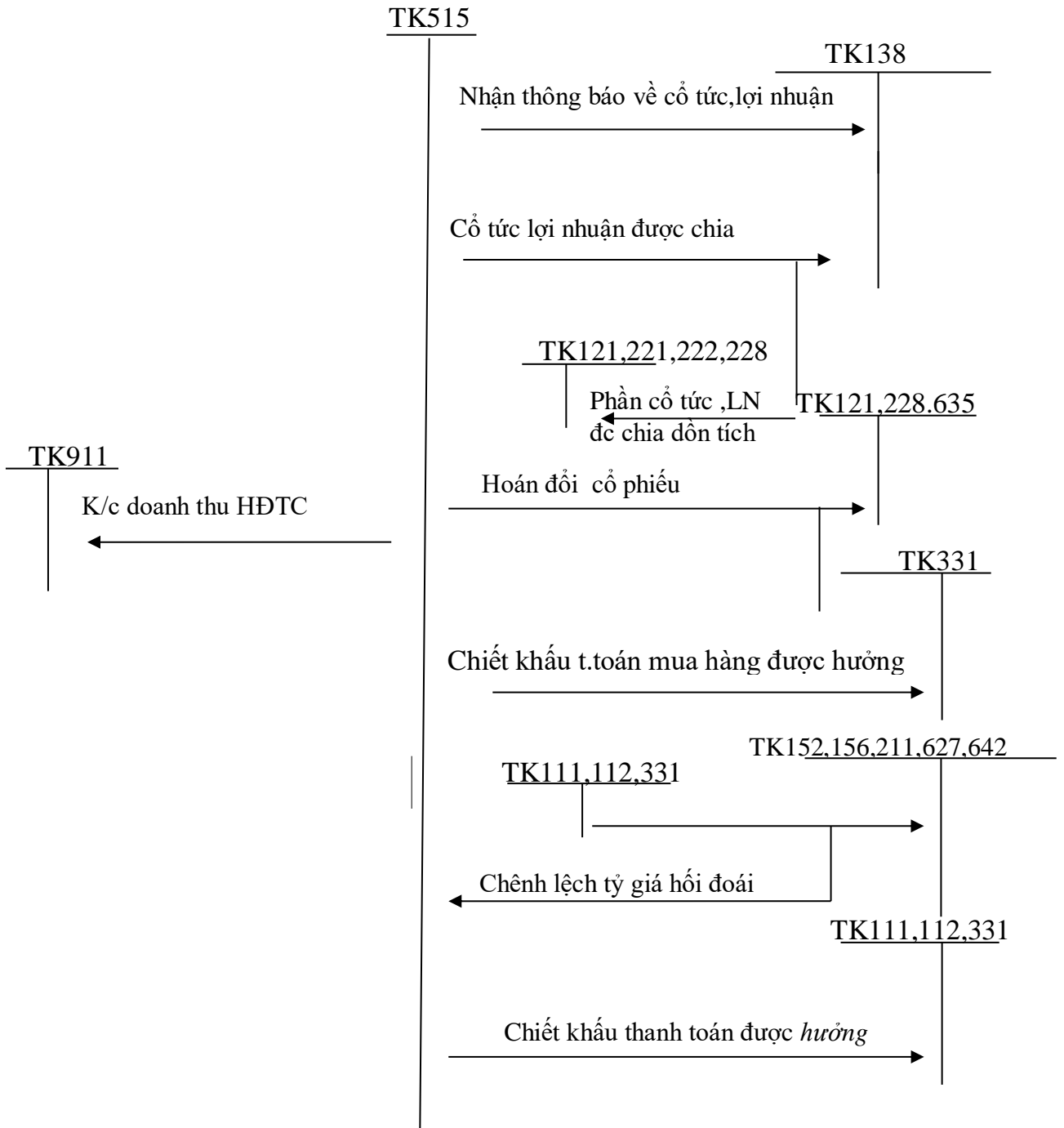
- Giấy báo của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

\* **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

#### \* Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi và lợi nhuận được chia</li> <li>- Tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ</li> </ul>	
-		-

*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.9: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.**

**1.6.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng, lỗ từ nhượng bán chứng khoán, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái

**\*Chứng từ sử dụng:**

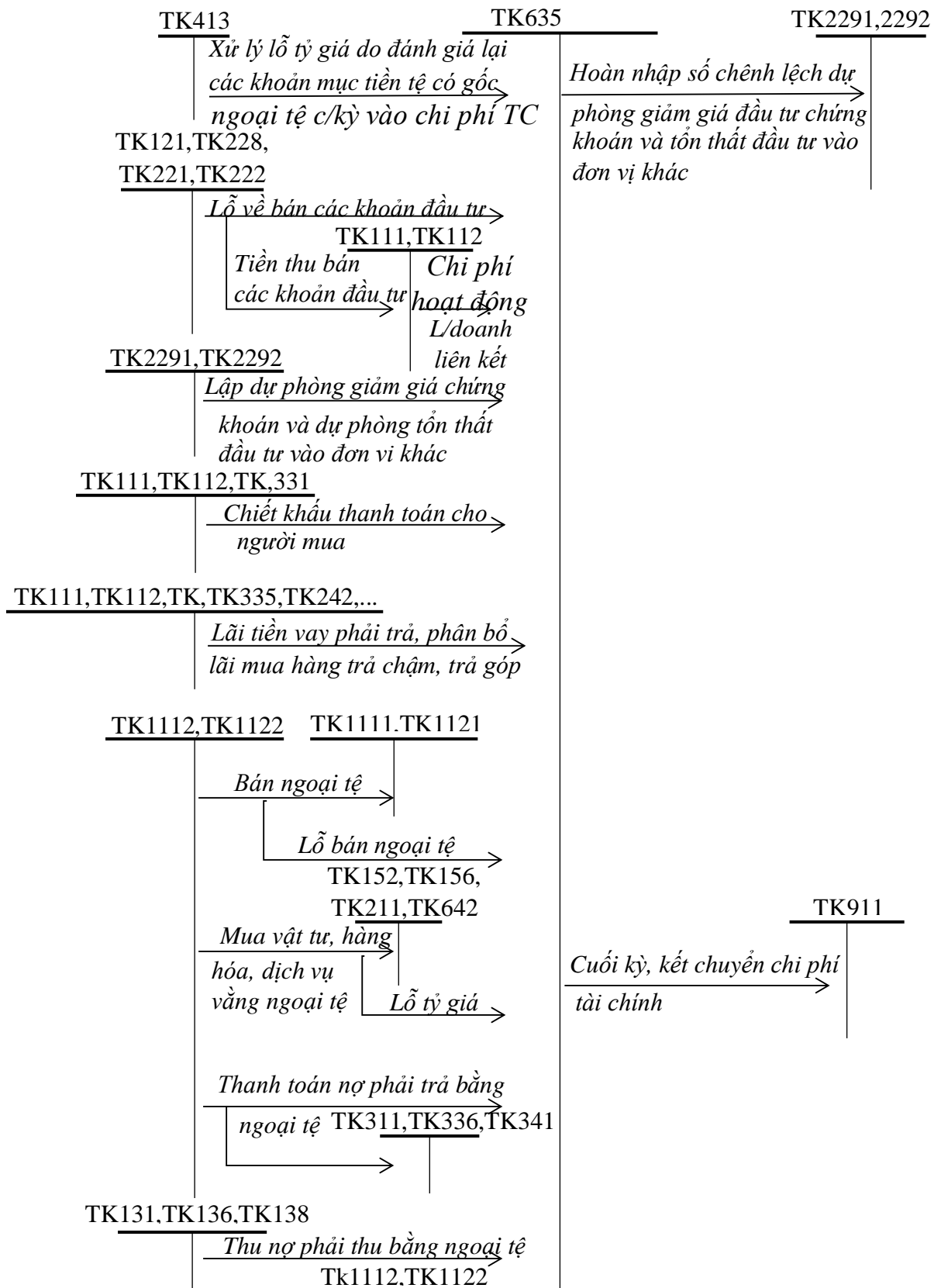
- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu kế toán.
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

**\*Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

**\* Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản cố định thuê tài chính</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động sản xuất kinh doanh</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li> <li>- Kết chuyển và phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính</li> <li>- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập từ năm trước chưa sử dụng hết)</li> <li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	
-		-

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ**

**Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.**

## 1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí khác

### 1.7.1 Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập hoạt động khác: là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số hoạt động: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt cho khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có), thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

#### \* Chứng từ sử dụng:

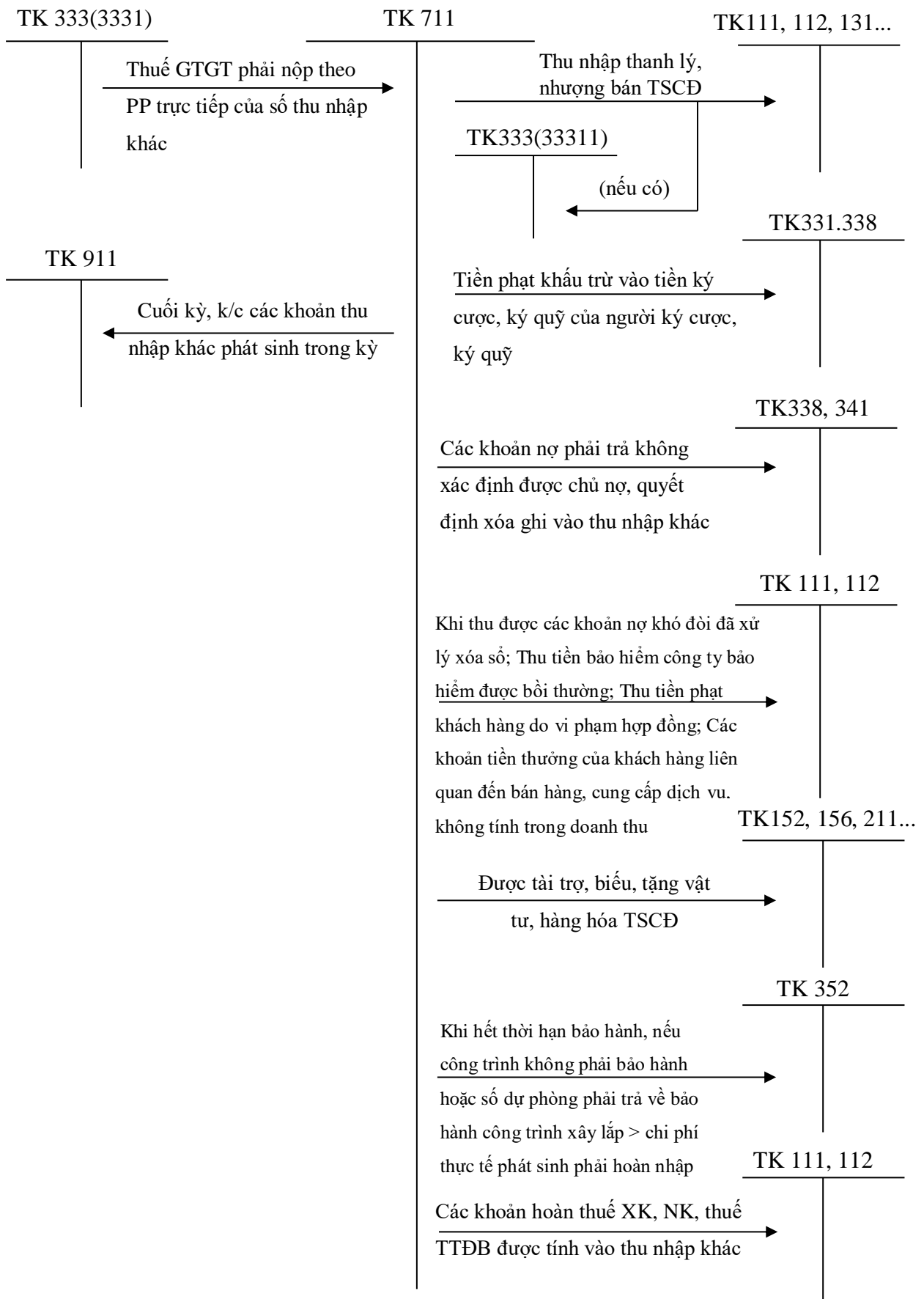
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán...
- Các chứng từ có liên quan khác

#### \* Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 – Thu nhập khác

#### \* Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp</li> <li>- Kết chuyển thu nhập khác để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</li> </ul>	
-		-

**Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**

**Sơ đồ 1.11: Hạch toán thu nhập khác**



**1.7.2 Kế toán chi phí hoạt động khác**

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Chi phí khác phát sinh bao gồm các khoản sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ nếu có
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

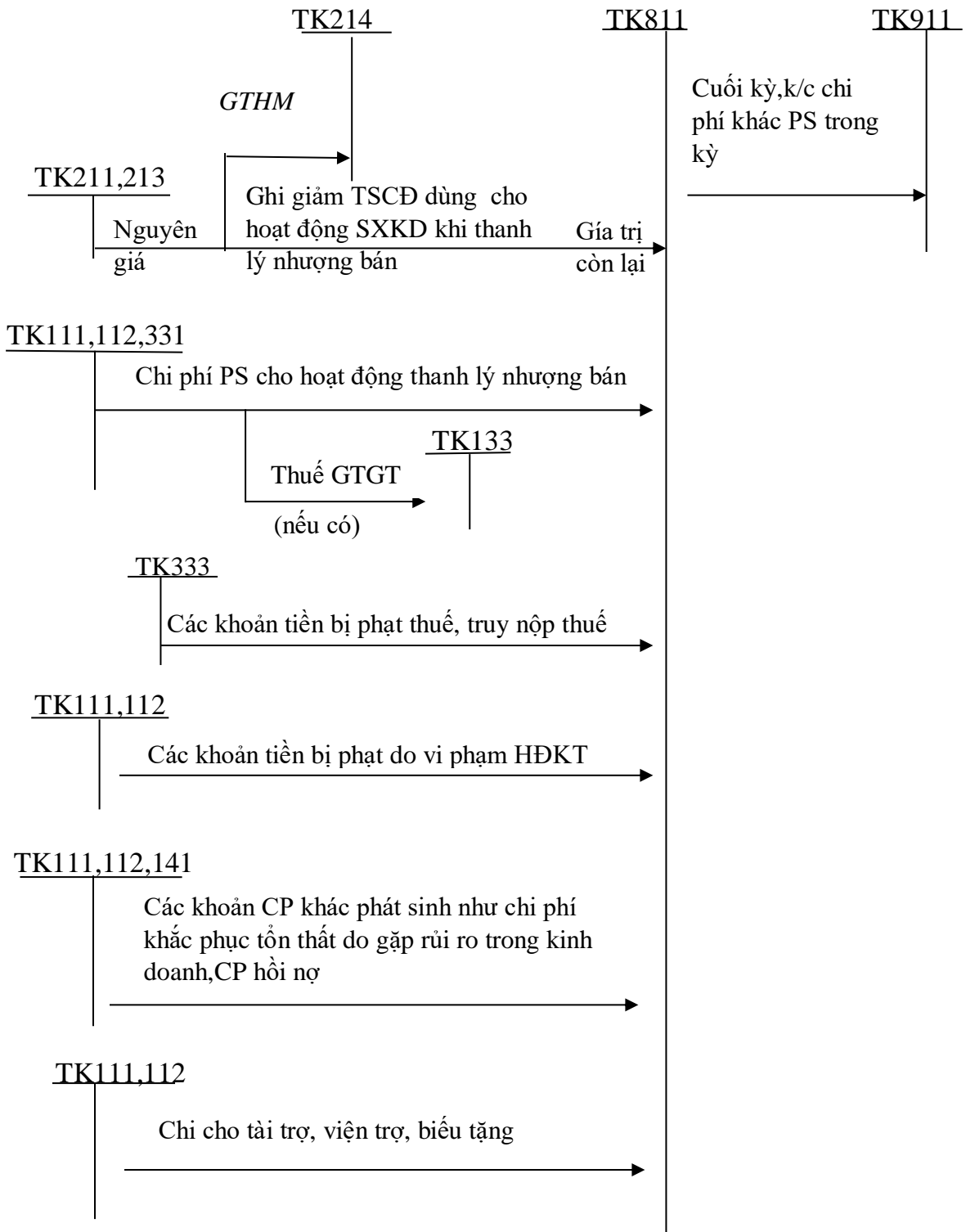
**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

**\* Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811 – Chi phí khác****\* Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển toàn bộ chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh
-		-

**Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ**

**Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí khác.**

## 1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do các hoạt động khác mang lại được thể hiện thông qua chỉ tiêu lãi lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng hóa, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

**\* Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:**

+ Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về} \\ \text{bán hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá} \\ \text{vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch} \\ \text{vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài} \\ \text{chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{tài chính} \end{array}$$

+ Kết quả hoạt động khác:

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

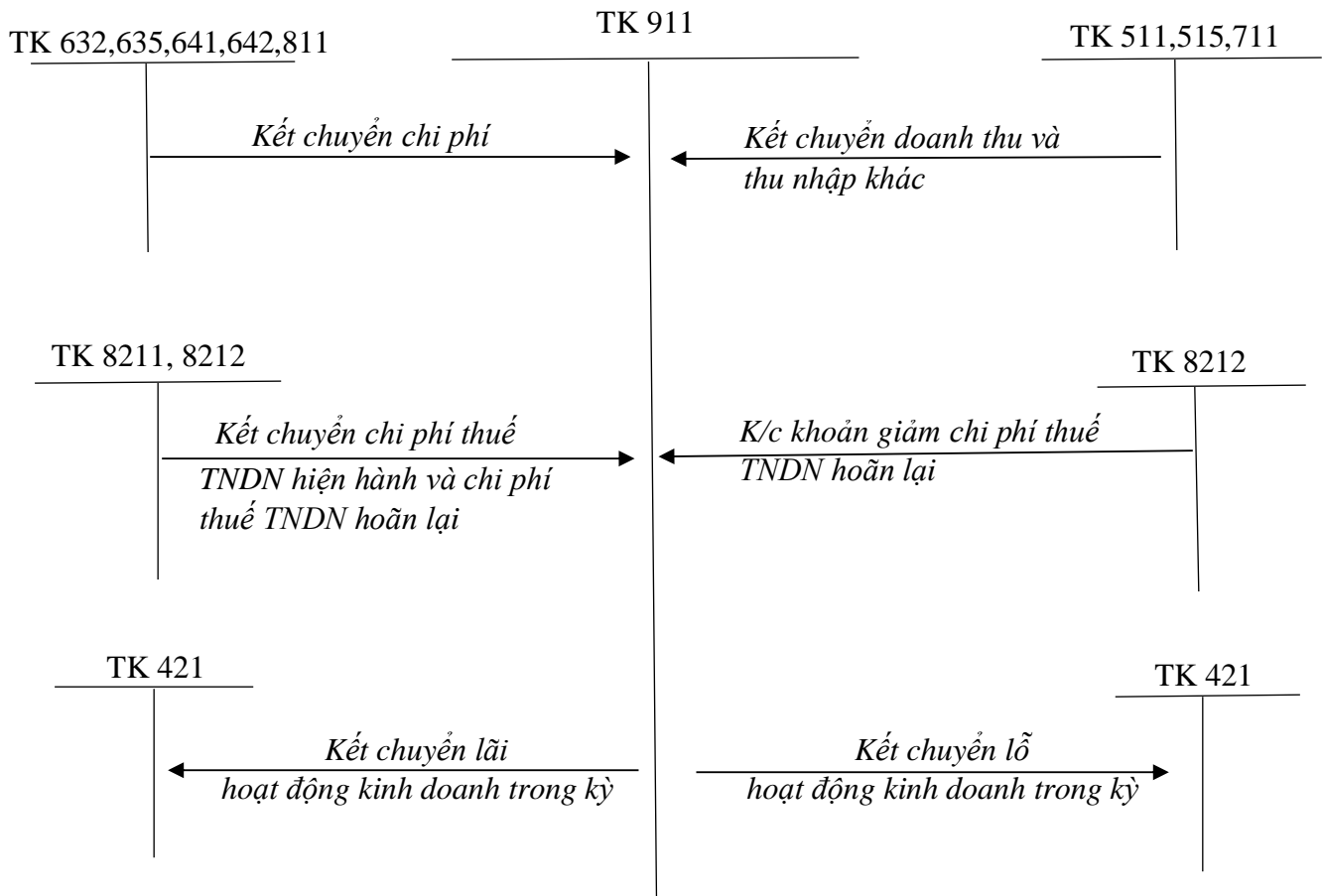
$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array}$$

\* **Chứng từ sử dụng:** phiếu kê toán và các chứng từ liên quan

\* **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

\* **Kết cấu tài khoản:**

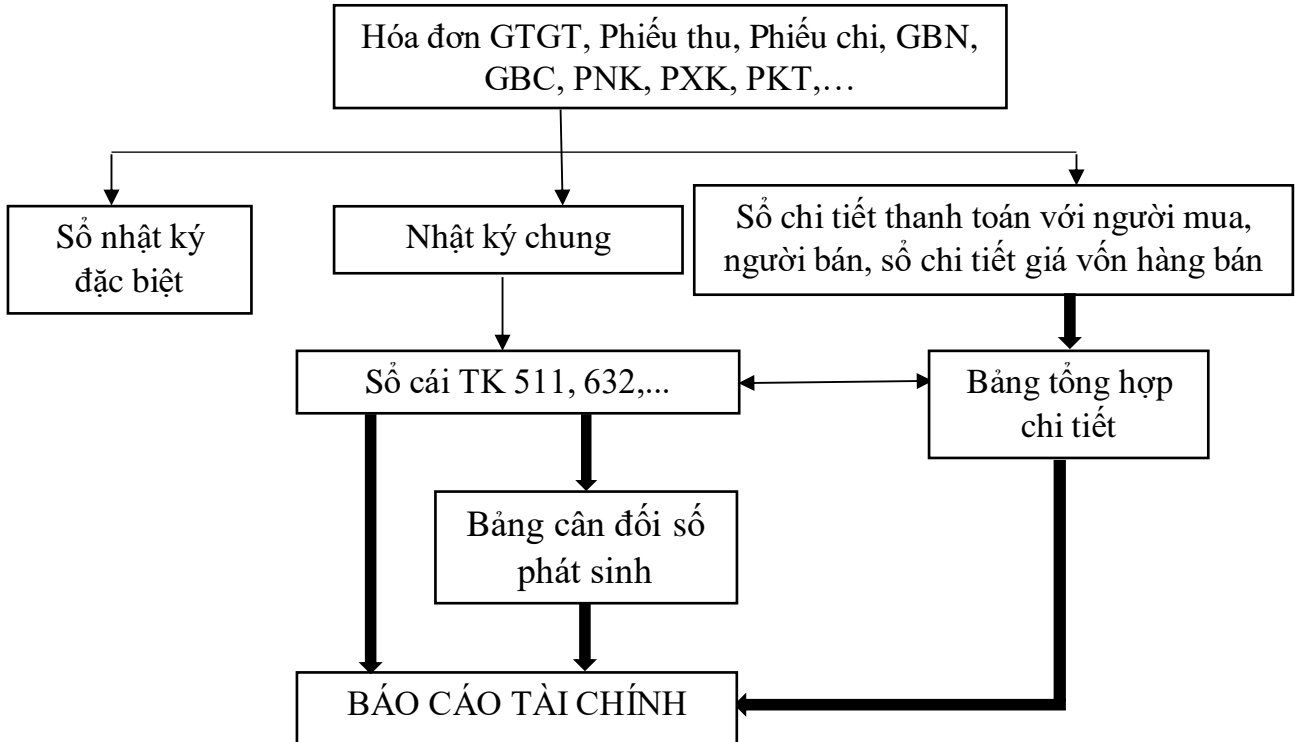
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác</li> <li>- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu nội bộ, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>	
-		-
<p><b>Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ</b></p>		

**Sơ đồ 1.13: Hạch toán Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

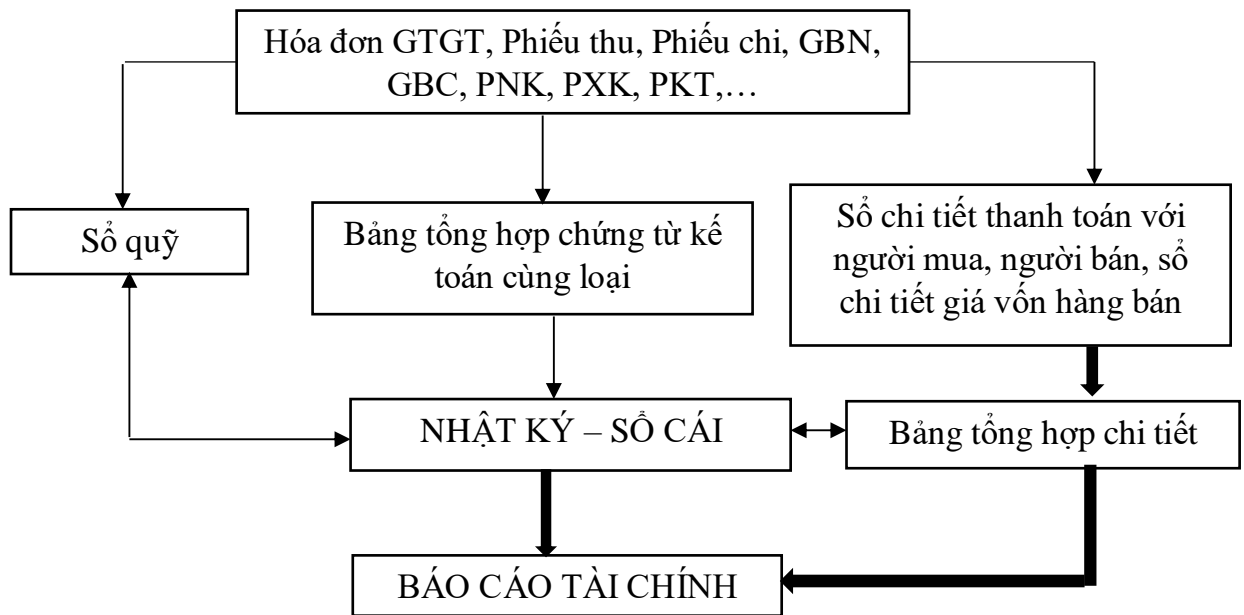
## 1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán có 5 hình thức kế toán sau:

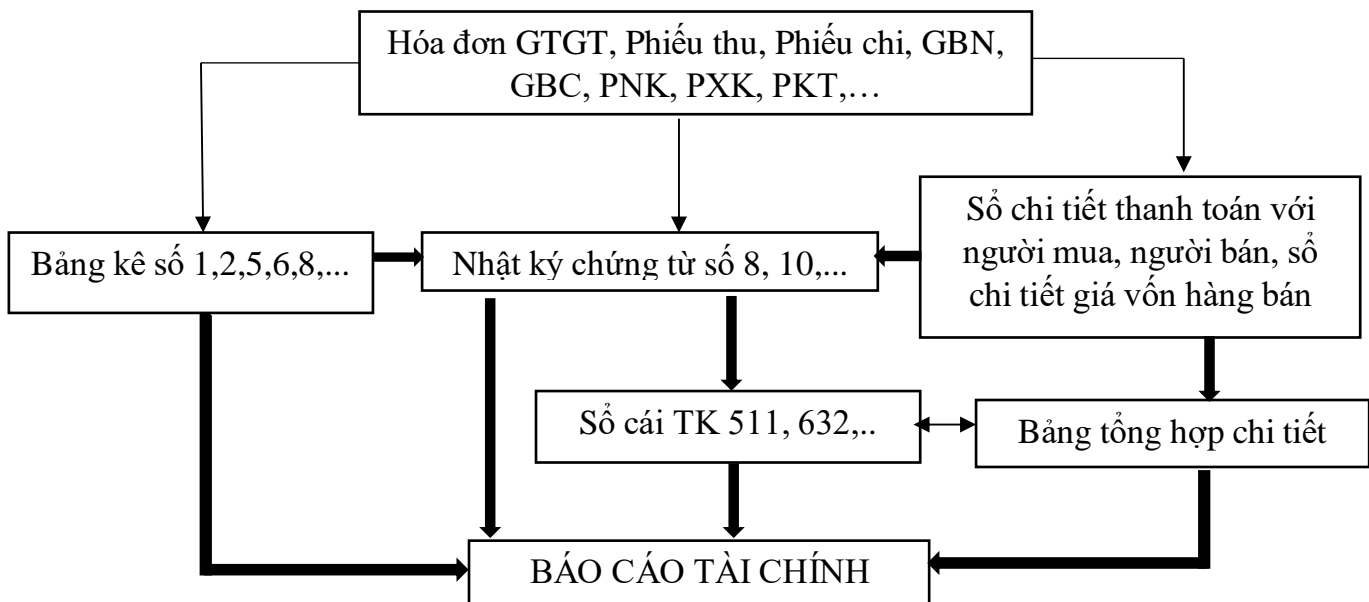
- **Hình thức kế toán Nhật ký chung:**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày       $\longrightarrow$   
 Ghi cuối tháng       $\longrightarrow$   
 Quan hệ đối chiếu       $\longleftrightarrow$

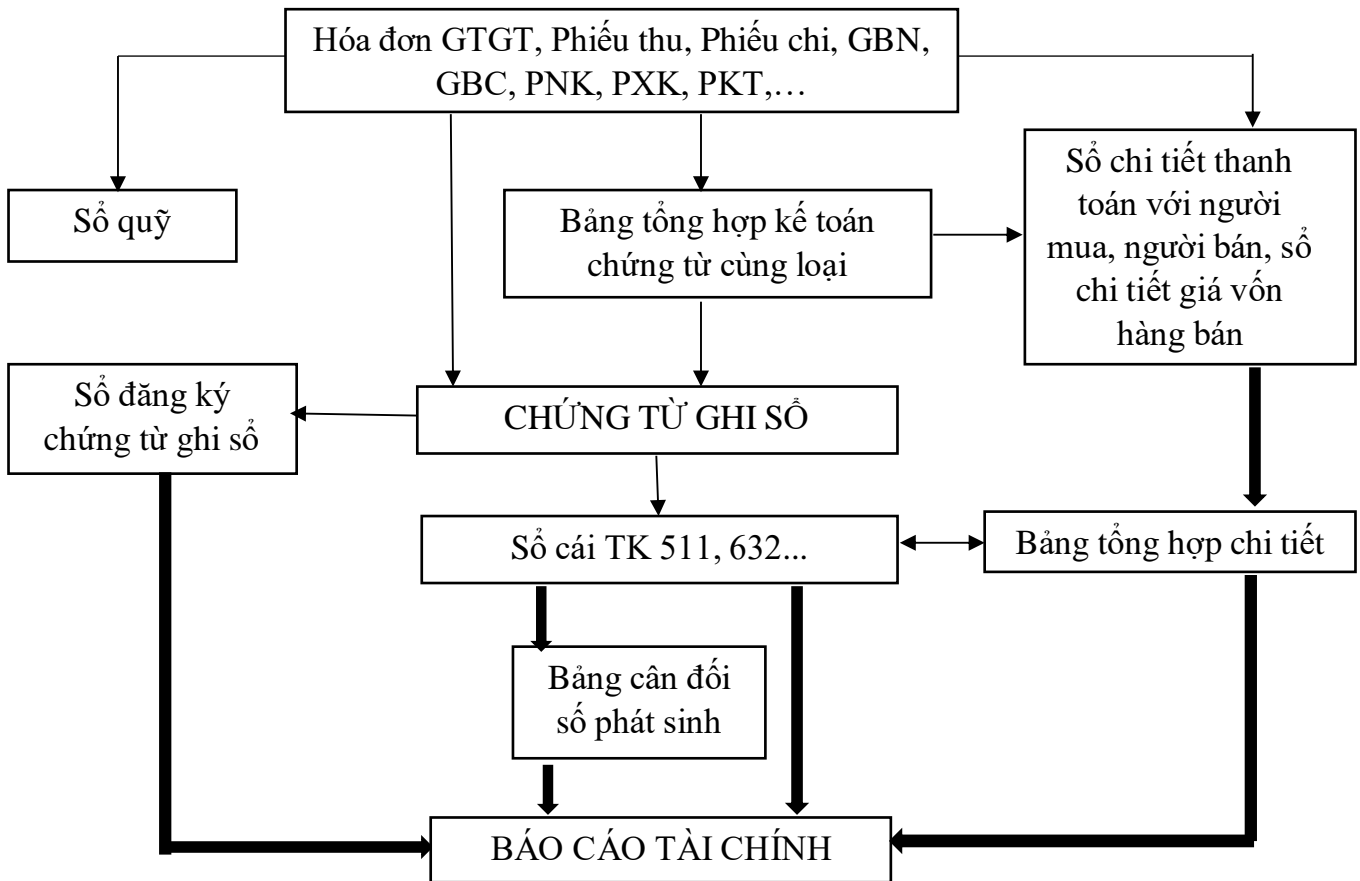
**- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**Ghi chú:** Ghi hàng ngày —————→  
 Ghi cuối tháng —————→  
 Quan hệ đối chiều <----->

**- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**

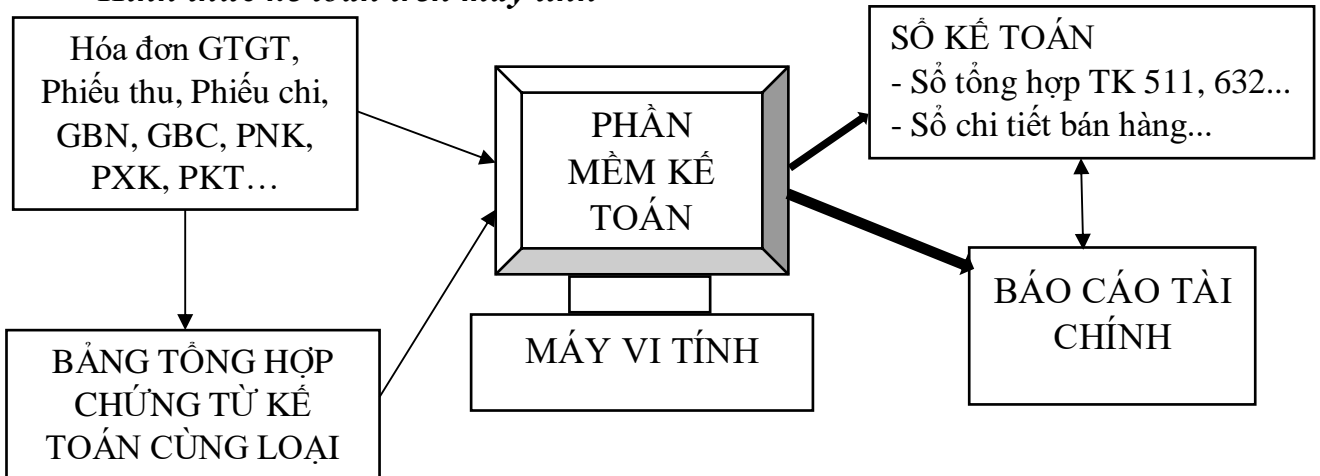
**Ghi chú:** Ghi hàng ngày —————→  
 Ghi cuối tháng —————→  
 Quan hệ đối chiều <----->

**- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày —————→  
 Ghi cuối tháng —————→  
 Quan hệ đối chiếu <----->

**- Hình thức kế toán trên máy tính**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày —————→  
 Ghi cuối tháng —————→  
 Quan hệ đối chiếu <----->



**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM TRANG****2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang****2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nam Trang**

Công ty TNHH Nam Trang chính thức thành lập vào ngày 21/03/2003, có trụ sở tại 16 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Vận tải Nam Trang

Tên viết tắt: Công ty TNHH Nam Trang

Tên giao dịch: Nam Trang Co.,LTD

Mã số thuế: 0200527315

Vốn điều lệ: 3.000.000.000.

Viết bằng chữ: ba tỷ đồng chẵn.

Người đại diện theo pháp luật:

Chức danh: **Giám đốc**

Họ và tên: *Trần Thị Đông*

Chức danh: Giám đốc

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

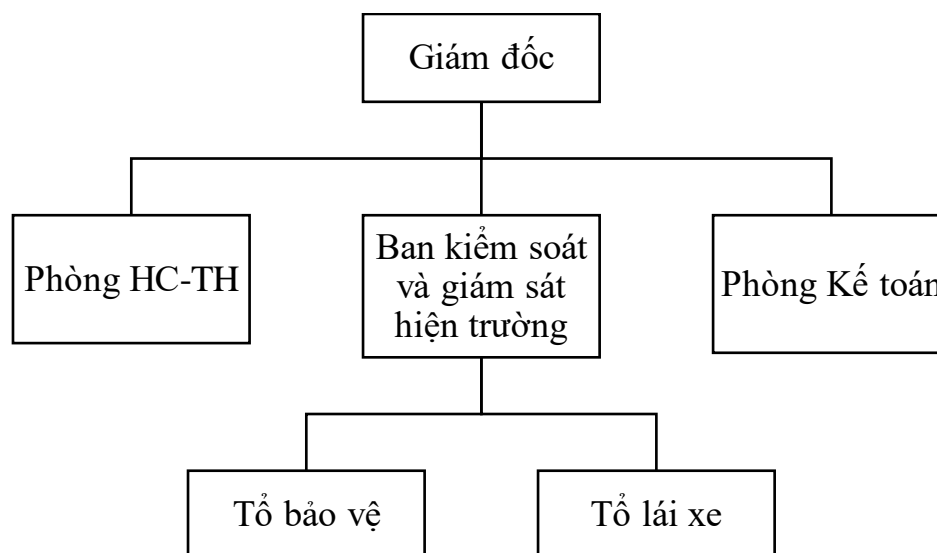
Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

❖ Các ngành nghề sản xuất kinh doanh

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
<b>1</b>	Thu gom rác thải không độc hại	E38110
<b>2</b>	Thu gom rác thải độc hại	E3812
<b>3</b>	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	E38210
<b>4</b>	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	E3822
<b>5</b>	Tái chế phế liệu	E3830
<b>6</b>	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	G4511
<b>7</b>	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	G45120

STT	Tên ngành	Mã ngành
8	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	G4530
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	G4649
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	G46530
11	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	G4661
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	G4662
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	G4663
14	Vận tải hàng hóa đường sắt	H49120
15	<b>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</b>	<b>H4933 (Chính)</b>

### 2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Nam Trang



**Sơ đồ 2.1:** Bộ máy quản lý của công ty

**Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận công ty****❖ Giám đốc**

- Là người đại diện pháp luật của công ty, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: điều hành, quy hoạch, chiến lược kinh doanh, ...

- Là người có nhiệm vụ, quyền hạn tối cao của công ty.

**❖ Phòng HC – TH**

- Lễ tân, thư tín, tài liệu, bưu phẩm

- Kế hoạch phát triển, tuyển dụng và đào tạo nhân sự

- Chăm công và tính lương hàng tháng cho công nhân viên

- Duy trì kỉ luật, an ninh trật tự và đạo đức nghề nghiệp trong công ty

- Lưu giữ các hồ sơ của người lao động

**❖ Ban kiểm soát và giám sát hiện trường**

- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình bốc xếp dỡ hàng hóa tại Cảng.

- Quản lý, phân chia, theo dõi công việc của Tổ lái xe, Tổ bảo vệ, Tổ bóc vác.

- Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng, số lượng sản phẩm vận chuyển hàng hóa hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân và giải pháp để khắc phục khó khăn.

- Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo hài lòng khách hàng

- Thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa trên Cảng, đề phòng trộm cắp

- Cân, đo, đếm đúng và đủ khối lượng hàng cần vận chuyển tránh gian lận

- Lập tiến độ chi tiết, triển khai tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đảm bảo tiến độ như đã cam kết

**❖ Bộ phận Kế toán**

- Đưa ra các thủ tục kế toán thích hợp đảm bảo sự thực hiện đồng nhất các thủ tục hành chính

- Hướng dẫn các phòng ban thực hiện hạch toán giá thành, lập hóa đơn chứng từ liên quan đến tài chính

- Chuẩn bị kế hoạch và quản lý ngân sách hàng năm

- Theo dõi việc thanh toán công nợ với khách hàng và các nhà cung cấp

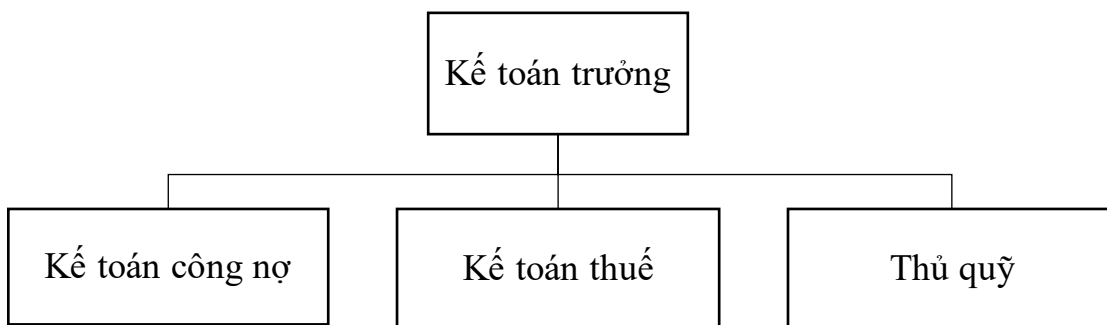
**❖ Tổ lái xe**

- Giữ gìn, bảo vệ, bảo dưỡng, quản lý đầu xe mà mình lái
- Vận chuyển hàng hóa an toàn, trả hàng đúng nơi, đúng địa điểm, đúng số lượng

❖ **Tổ bảo vệ**

- Trông coi, quản ký tài sản chung của công ty
- Thực hiện các công việc khác do cấp trên phân công

**2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Nam Trang**



**Sơ đồ 2.2: Bộ máy tổ chức kế toán của công ty**

❖ **Kế toán trưởng**

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty
  - Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.
  - Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán là người lãnh đạo của phòng, chịu trách nhiệm trước công ty (cơ quan, tổ chức, đơn vị) về tất cả hoạt động của phòng do mình phụ trách
  - Báo cáo thường xuyên tình hình hoạt động của Phòng cho Giám đốc Công ty, tiếp nhận, phổ biến và triển khai thực hiện kịp thời các chỉ thị của Giám đốc

**❖ Kế toán công nợ**

- Quản lý, theo dõi công nợ: Các khoản phải thu, chi, sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, ...

- Lập phiếu nộp ngân sách – ngân hàng
- Lập lịch thanh toán công nợ đối với khách hàng
- Tính toán số công nợ phát sinh hàng tháng, lập giấy thông báo thanh toán công nợ nội bộ và khách hàng hàng tháng

**❖ Kế toán thuế**

- Cuối tháng lập báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN và nộp tiền thuế cho cơ quan Thuế

- Theo dõi tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách và hoàn thuế của công ty

- Cập nhật kịp thời các thông tin, chính sách mới về luật thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp

**❖ Thủ quỹ**

- Kiểm tra số tiền trên Phiếu thu, Phiếu chi với chứng từ gốc

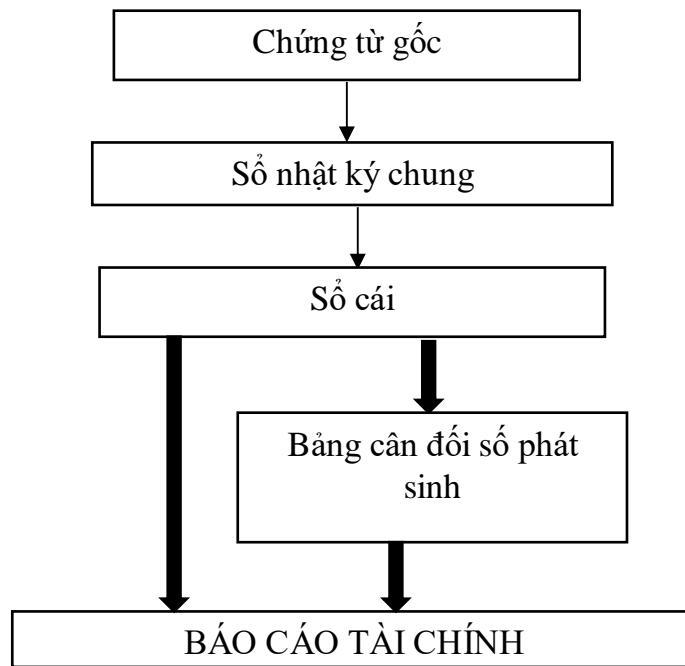
- Kiểm tra nội dung ghi trên Phiếu thu, Phiếu chi có phù hợp với chứng từ gốc

- Kiểm tra số tiền thu vào hoặc chi ra cho chính xác để nhập hoặc xuất quỹ tiền mặt

- Quản lý tiền mặt

**✚ Chính sách kế toán**

- Công ty sử dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung
- Kỳ kế toán: từ 01/01 đến 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính



**Sơ đồ 2.3:** Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Nam Trang

## 2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Nam Trang

### 2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Nam Trang

#### 2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

• **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ có liên quan khác

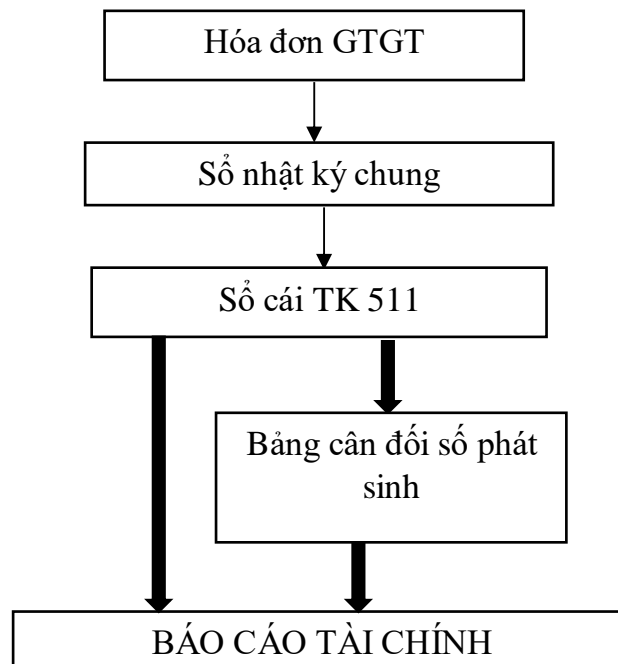
• **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

• **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Nam Trang**



**Ví dụ 2.1:** Ngày 15/11/2017, ghi nhận doanh thu vận chuyển gao cho công ty XNK chế biến nông sản Việt Nam theo HĐ GTGT số 0000489, số tiền 17.567.125 chưa bao gồm thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt theo phiếu thu 498

Kế toán có định khoản sau:

Nợ TK 111	19.323.837
Có TK 511	17.567.125
Có TK 3331	1.756.712

**Ví dụ 2.2:** Ngày 30/11/2017, ghi nhận doanh thu vận chuyển thép cho công ty cổ phần thép Việt Nhật theo HĐ GTGT số 0000492, số tiền 56.670.327 chưa bao gồm thuế VAT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng theo Giấy báo Có số 432.

Kế toán có định khoản sau:

Nợ TK 112	61.237.360
Có TK 511	56.670.327
Có TK 3331	5.667.033

**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/15P			
Ngày 15 tháng 11 năm 2017		Số: <b>0000489</b>			
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH NAM TRANG</b>					
Mã số thuế: 0201300846					
Địa chỉ: <b>16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng</b>					
Điện thoại:					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: <b>Công ty xuất nhập khẩu và chế biến nông sản Việt Nam</b>					
Mã số thuế: 0900514671					
Địa chỉ: Thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Đông, tỉnh Hưng Yên					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Cước vận chuyển	Chuyến	1	17.567.125	17.567.125
/					
/					
/					
/					
Cộng tiền hàng:					17.567.125
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT			1.756.712
Tổng cộng					19.323.837
Số tiền viết bằng chữ: mười chín triệu ba trăm hai mươi ba ngàn tám trăm ba mươi bảy đồng./					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận Hóa đơn)</i>					



**Biểu số 2.2: Phiếu thu số 498**

**Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang**  
**Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,**  
**TP.Hải Phòng**

**Mẫu số 01 – TT**  
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

Số: PT498

Nợ TK 111: 19.323.837

Có TK 511: 17.567.125

Có TK 3331:1.756.712

Họ và tên người nộp: *Trần Thị Phương Thảo*

Địa chỉ: Công ty xuất nhập khẩu và chế biến nông sản Việt Nam

Lý do nộp: Thu tiền công ty XNK chế biến nông sản Việt Nam

Bằng chữ: Mười chín triệu ba trăm hai mươi ba ngàn tám trăm ba mươi bảy đồng/.

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

**Thủ trưởng  
đơn vị**

**Kế toán  
trưởng**

**Người  
lập phiếu**

**Người  
nộp tiền**

**Thủ quỹ**

**Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/15P			
Ngày 30 tháng 11 năm 2017		Số: <b>0000492</b>			
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH NAM TRANG</b>					
Mã số thuế: 0200527315					
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng					
Điện thoại:					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NHẬT</b>					
Mã số thuế: 020014586					
Địa chỉ: Km 9, quốc lộ 5, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Cước vận chuyển	chuyến	1	56.670.327	56.670.327
Cộng tiền hàng:					56.670.327
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT		5.677.033	
Tổng cộng tiền thanh toán:					61.237.360
<i>Số tiền viết bằng chữ: sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi đồng chẵn./</i>					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận Hóa đơn)</i>					

**Biểu số 2.4: Giấy báo Có 432**

**GIẤY BÁO CÓ**  
Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Mã GDV  
Mã KH  
Số GDGBC432

Kính gửi: Công ty TNHH Nam Trang

Mã số thuế: 0200527315

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 102010001824706

Số tiền bằng số: **61.237.360**

Số tiền bằng chữ: sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi đồng chẵn./

Nội Dung: Công ty Cổ phần thép Việt Nhật thanh toán tiền cước vận chuyển (HĐ 492)

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Giao dịch viên

Kiểm Soát

**Biểu số 2.5:** Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang

Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			297.548.624.475	297.548.624.475
15/11	PT498	15/11	Doanh thu vận chuyển cho công ty XNK chế biến nông sản Việt Nam	111	511	19.323.837	17.567.125
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/11	GBC432	30/11	Doanh thu vận chuyển cho công ty cổ phần thép Việt Nhật	112	511	61.237.360	56.670.327
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/12	HĐGTGT 0000511	02/12	Doanh thu vận chuyển cho công ty cổ phần thép Việt Nhật	131	511	132.550.000	120.500.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Tổng cộng</b>			<b>388.544.343.953</b>	<b>388.544.343.953</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.5), kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 511 như Biểu số 2.6

**Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 511**

Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN  
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
**Số hiệu: 511**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
15/11	PT498	15/11	Doanh thu vận chuyển cho công ty XNK chế biến nông sản Việt Nam	111		17.567.125
....	.....	.....		....	.....	.....
30/11	GBC432	30/11	Doanh thu vận chuyển cho công ty cổ phần thép Việt Nhật	112		56.670.327
...	.....	.....	.....	....	....	.....
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	3.896.703.425	
			Cộng SPS trong kỳ		3.896.703.425	3.896.703.425

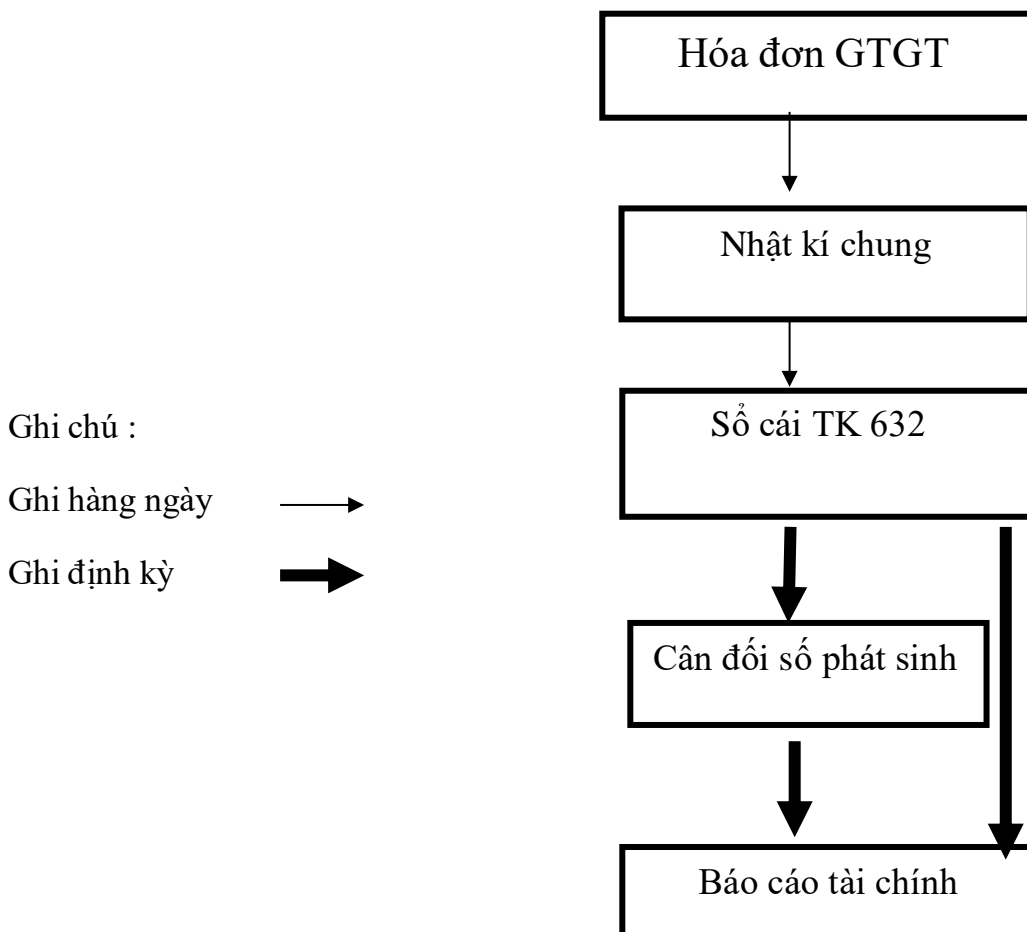
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Nguồn: Phòng kế toán Công Ty TNHH Nam Trang)

❖ Kế toán giá vốn hàng bánSơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán theo hình thức Nhật ký chung

Do công ty không mở sổ TK 621,622, 627 tất cả chi phí liên quan đến dịch vụ vận tải được phản ánh tổng hợp trên TK 154 và sau đó kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

**Ví dụ 2.3:** Ngày 30/11/2017, công ty thanh toán tiền dầu theo hóa đơn GTGT số 000506 (Biểu số 2.7) bằng tiền mặt theo phiếu chi 598.

Căn cứ ví dụ, ta có định khoản sau:

Nợ TK 154    14.568.966

Nợ TK 133    1.456.897

    Có TK 111 16.025.863

**Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001				
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: AA/17P				
Ngày 30 tháng 11 năm 2017		Số: <b>0000506</b>				
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU NAM NINH</b>						
Mã số thuế: 0201085598						
Địa chỉ: số 104 quốc lộ 5, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng.						
Điện thoại: 0225.3749380						
Số tài khoản: 003 100 307 908 tại Ngân hàng Vietcombank-Chi nhánh Hải Phòng						
Họ tên người mua hàng:						
Tên đơn vị: <b>CÔNG TY TNHH NAM TRANG</b>						
Mã số thuế: 0200527315						
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng						
Hình thức thanh toán: Tiền mặt						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
1	Dầu diesel	lít	440	15.160,16	6.670.470	
2	Dầu diesel	lít	521	15.160,26	7.898.496	
Cộng tiền hàng:					14.568.966	
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT	1.456.897
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.025.863	
<i>Số tiền viết bằng chữ: mười sáu triệu không trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng</i>						
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận Hóa đơn)</i>						

**Biểu số 2.8: Phiếu chi số 598**

**Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang**  
**Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ,**  
**Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**

**Mẫu số 01 – TT**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Số PC598

Nợ TK 154: 14.568.966

Nợ TK 133: 1.456.897

Có TK 111: 16.025.863

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Huy

Địa chỉ: Công ty TNHH xăng dầu Nam Ninh.

Lý do chi: thanh toán tiền mua dầu

Số tiền: 16.025.863

Viết bằng chữ: *mười sáu triệu không trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng.*

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

**Thủ trưởng  
đơn vị**

Trần Thị Đông

**Kế toán  
trưởng**

Nguyễn Thu Hà

**Kế toán  
thanh toán**

Nguyễn Thị Anh

**Người  
nhận tiền**

Phạm Duy Hòa

**Thủ quỹ**

Đặng Thị Hoa



**Ví dụ 2.4:** Cuối tháng kế toán tính khấu hao TSCĐ dựa vào bảng phân bổ khấu hao (Biểu số 2.9)

**Biểu số 2.9:** Trích bảng tính khấu hao TSCĐ

**Công ty TNHH Nam Trang** **Mẫu số: S06 -DN**  
**Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng** (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày  
22/12/2014 của BTC)

### BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

*Tháng 11 năm 2017*

STT	Tên tài sản	Ngày sử dụng	Năm tính KH	Nguyên giá	Mức KH tháng	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
I	Nhà cửa vật kiến trúc						
	...	...	...	...	...	...	...
II	Phương tiện vận tải						
1	- Xe tải Daisaki 3,5T	05/09/2015	8	555.000.000	5.781.250	155.322.916	399.677.084
2	- Xe tải Isuzu 8T2	01/02/2016	8	740.000.000	7.708.333	169.583.333	570.416.667
...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Tổng</b>			<b>3.937.000.000</b>	<b>108.397.140</b>	<b>830.433.050</b>	<b>3.106.566.950</b>

*Ngày 30 tháng 11 năm 2017*

Người lập bảng

Kế toán trưởng

*(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)*

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.7), kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10)

**Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung**

**Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang**

**Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng**

**Mẫu số S03a-DN**

(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

*Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			<b>297.548.624.475</b>	<b>297.548.624.475</b>
30/11	PC598	30/11	Thanh toán tiền mua dầu cho công ty TNHH xăng dầu Nam Ninh	154		<b>14.568.966</b>	
				133		<b>1.456.897</b>	
					111		<b>16.025.863</b>
30/11	BKHT11	30/11	Khấu hao xe ô tô tải	154		<b>108.397.140</b>	
					214		<b>108.397.140</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Tổng cộng</b>			<b>388.544.343.953</b>	<b>388.544.343.953</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Nam Trang)*

**Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 154**

Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN  
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

**Số hiệu: 154**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
30/11	PC598	30/11	Thanh toán tiền dầu công ty xăng dầu Nam Ninh	111	14.568.966	
30/11	BKHT11	30/11	Khấu hao xe ô tô tải	214	108.397.140	
...	.....	.....	.....	....	....	.....
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632		1.598.154.589
			Cộng SPS trong kỳ		1.598.154.589	1.598.154.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)

**Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK 632**

Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN  
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**  
**Số hiệu: 632**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154	1.598.154.589	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		1.598.154.589
			<b>Cộng SPS trong kỳ</b>		<b>1.598.154.589</b>	<b>1.598.154.589</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

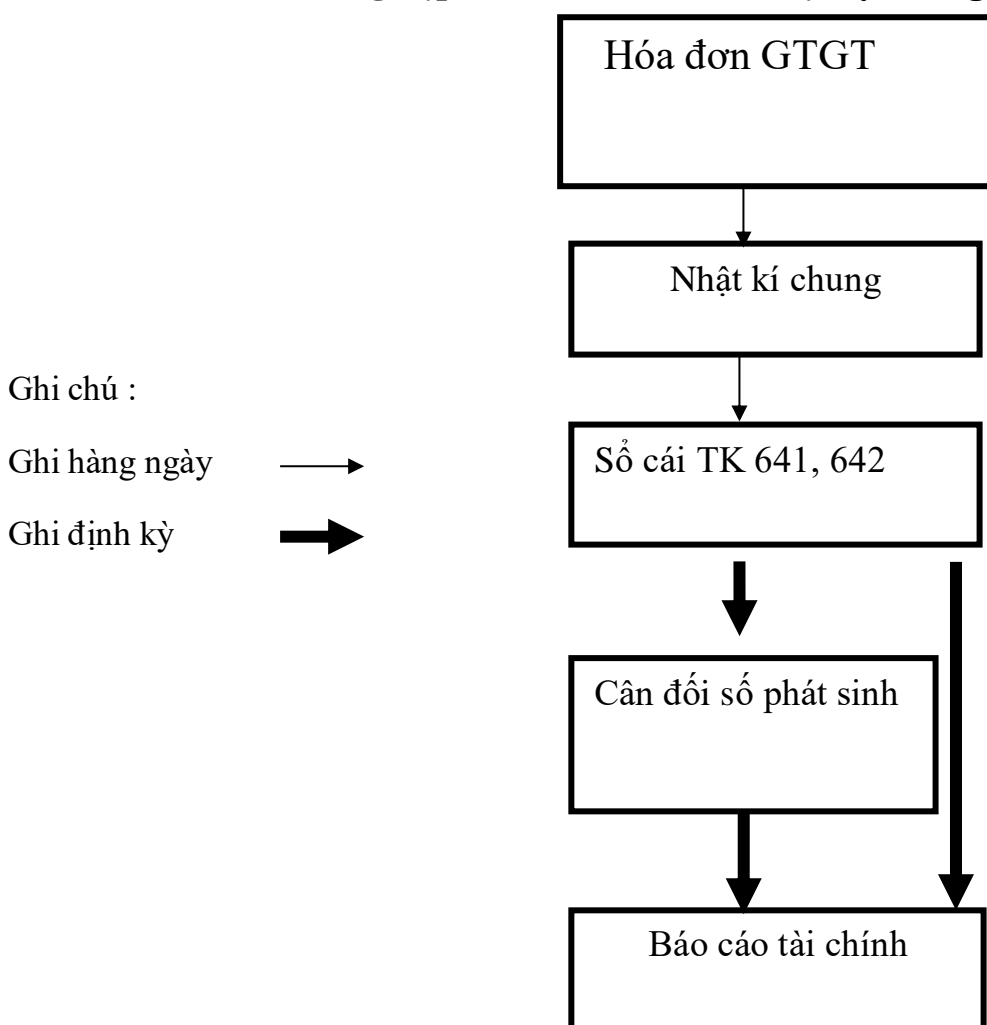
Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)

## 2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH Nam Trang

### Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo hình thức sổ Nhật ký chung



**Ví dụ 2.5:** ngày 15/12/2017, công ty mua quạt sử dụng cho bộ phận bán hàng theo HĐ GTGT số 0002986, số tiền 1.809.000 giá đã bao gồm thuế VAT 10%, đã thanh toán bằng TM theo phiếu chi 658 (Biểu số 2.14)

Kế toán có định khoản sau:

Nợ TK 641 1.644.545

Nợ TK 133 164.455

Có TK 111 1.809.000

**Ví dụ 2.6:** ngày 17/12/2017, công ty thanh toán tiền Internet theo giấy báo Nợ 252

Kế toán có định khoản sau:

Nợ TK 642 2.400.000

Nợ TK 133 240.000

Có TK 112 2.640.000

**Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 15 tháng 12 năm 2017			Số: <b>0002986</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH</b>					
Mã số thuế: 0200806975					
Địa chỉ: Số 389 Trần Nguyên Hãn, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, HP					
Điện thoại:					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: <b>CÔNG TY TNHH Nam Trang</b>					
Mã số thuế: 0200527315					
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Quạt cây	cái	1	1.644.545	1.644.545
Cộng tiền hàng:					1.644.545
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT			164.455
Tổng tiền thanh toán					1.809.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm lẻ chín ngàn đồng chẵn./</i>					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
Phan Duy Hòa		Phạm Thu Trang		Nguyễn Văn Thịnh	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận Hóa đơn)</i>					

**Biểu số 2.14: Phiếu chi số 658**

**Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang**  
**Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q.Ngô**  
**Quyên, TP. Hải Phòng**

**Mẫu số 01 – TT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Số PC658  
Nợ TK 641: 1.644.545  
Nợ TK 133: 164.455  
Có TK 111: 1.809.000

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Duy Hòa

Địa chỉ: phòng HC

Lý do chi: thanh toán tiền mua quạt cây

Số tiền: 1.809.000 VND

Viết bằng chữ: *một triệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng.*

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Kế toán thanh toán</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
Trần Thị Đông	Nguyễn Thu Hà	Nguyễn Thị Anh	Phạm Duy Hòa	Đặng Thị Hoa

**Biểu số 2.15: Giấy báo Nợ 252**

**GIẤY BÁO NỢ**  
Ngày 17 tháng 12 năm 2017

Mã GDV  
Mã KH  
Số GDGBN252

Kính gửi: Công ty TNHH Nam Trang

Mã số thuế: 0200527315

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 102010001824706

Số tiền bằng số: **2.640.000**

Số tiền bằng chữ: hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./

Nội Dung: thanh toán tiền Internet

Giao dịch viên

Kiểm Soát



**Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang

Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG***Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
			Số trc chuyển sang			327.061.585.780	327.061.585.780
15/12	PC658	15/12	Mua quạt dùng cho bộ phận bán hàng	641 133		1.644.545 164.455	
					111		1.809.000
17/12	GBN252	17/12	Thanh toán tiền Internet 6 tháng	642 133		2.400.000 240.000	
					112		2.640.000
.....		.....	.....	....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh năm			388.544.343.953	388.544.343.953

*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)*

**Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 641**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Chi phí bán hàng****Số hiệu: 641**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
15/12	PC658	15/12	Mua quạt cây cho BPBH	111	1.644.545	
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		158.631.954
			Cộng số phát sinh		158.631.954	158.631.954
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 642**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Số hiệu: 642**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
17/12	GBN252	17/12	Thanh toán tiền Internet	112	2.400.000	
.....	.....	.....	.....	....	.....	....
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		539.626.415
			Cộng số phát sinh		539.626.415	539.626.415
			Số dư cuối năm			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**Người ghi sổ**

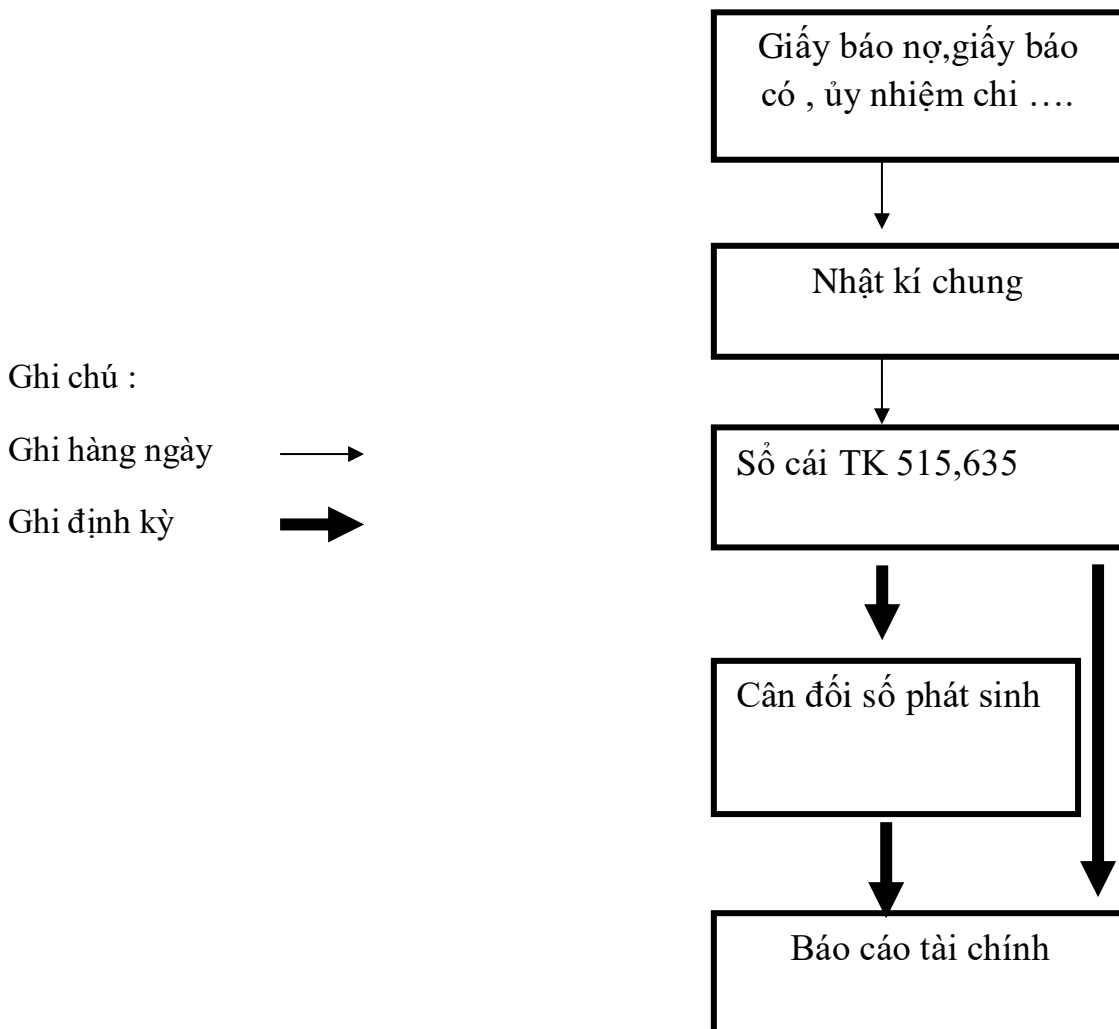
**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

### 2.2.3 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Nam Trang

- **Chứng từ sử dụng:**
  - Giấy báo Nợ
- **Sổ sách sử dụng:**
  - Sổ Nhật ký chung
  - Sổ cái TK 635
- **Tài khoản sử dụng**
  - TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
  - TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

#### Sơ đồ 2.7 : Hạch toán doanh thu , chi phí hoạt động tài chính



Hàng ngày, căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm chi... kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK515, 635. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ 2.7:** ngày 25/12/2017, công ty thanh toán định kỳ lãi tiền vay số tiền 15.375.000 theo giấy báo Nợ số 256

**Biểu số 2.19:** Giấy báo Nợ 256



**GIẤY BÁO NỢ**  
Ngày 25 tháng 12 năm 2017

Mã GDV  
Mã KH  
Số GDGBN256

Kính gửi: Công ty TNHH Nam Trang

Mã số thuế: 0200527315

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 102010001824706

Số tiền bằng số: **15.375.000**

Số tiền bằng chữ: mười lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn./

Nội Dung: Trả tiền lãi vay tháng 12

Giao dịch viên

Kiểm Soát

**Biểu số 2.20:** Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang

Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG***Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
			Trang trc chuyển sang			327.061.585.780	327.061.585.780
....		....	....	....	....	...	....
17/12	GBN252	17/12	Thanh toán tiền Internet	642		2.400.000	
				133		240.000	
					112		2.640.000
....	....	....	....	....	....	....	....
25/12	GBN256	25/12	Trả lãi vay định kỳ	635		15.375.000	
					112		15.375.000
....	...	....	....	....	...	....	....
.....		.....	.....	....	....	.....	.....
			Cộng phát sinh năm			388.544.343.953	388.544.343.953

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 635**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
25/12	GBN249	25/12	Trả lãi vay định kỳ	112	15.375.000	
.....	.....	.....	.....	....	.....	....
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		196.368.585
			Cộng số phát sinh		196.368.585	196.368.585
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Nam Trang)

### ***2.2.3 Kế toán doanh thu khác và chi phí khác tại công ty TNHH Nam Trang***

- ***Chứng từ sử dụng:***

- Giấy báo Có
- Phiếu kế toán

- ***Sổ sách sử dụng***

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các TK 711, 811

- ***Tài khoản sử dụng***

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

*Trong năm 2017, công ty TNHH Nam Trang không phát sinh nghiệp vụ nào về thu nhập khác và chi phí khác.*



### 2.2.4 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang

• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

• **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái các TK 911, 821, 421

• **Tài khoản sử dụng:**

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- TK 821 – Chi phí thuế TNDN

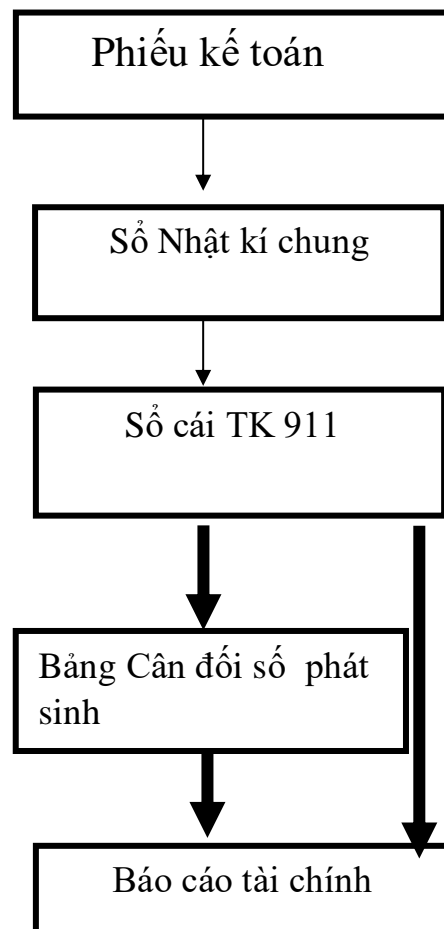
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

#### Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang

Ghi chú :

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →



**Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 18**

Công ty TNHH Nam Trang

Số 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	632	154	1.598.154.589	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.598.154.589</b>	

*Bằng chữ:* một tỉ năm trăm chín mươi tám triệu một trăm năm mươi tư ngàn năm trăm tám mươi chín đồng.**Đối tượng****Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 19**

Công ty TNHH Nam Trang

Số 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	3.896.703.425	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3.896.703.425</b>	

*Bằng chữ:* ba tỉ tám trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm lẻ ba ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Đối tượng****Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 20**

Công ty TNHH Nam Trang

Số 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.598.154.589	
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	158.631.954	
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	539.626.415	
4	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	196.368.585	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.492.781.543</b>	

*Bằng chữ:* hai tỉ bốn trăm chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi một ngàn năm trăm bốn mươi ba đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Đối tượng****Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

Căn cứ vào phiếu kế toán số 19, 20 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.22)

**Biểu số 2.25: Trích sổ Nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang

Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

*Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			327.061.585.780	327.061.585.780
...	....	....	....	....	...	....	....
31/12	PKT19	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		3.896.703.425	
					911		3.896.703.425
31/12	PKT20	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911		1.598.154.589	
					632		1.598.154.589
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính	911		196.368.585	
					635		196.368.585
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí bán hàng	911		158.631.954	
					641		158.631.954
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911		539.626.415	
					642		539.626.415
...	...	....	....	....	...	...	....
			Cộng phát sinh năm			388.544.343.953	388.544.343.953

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Dựa vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái các TK 511, 632, 635, 641, 642*

**Biểu số 2.26: Trích sổ cái TK 511**

Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Số hiệu: 511**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	3.896.703.425	
			Cộng SPS trong kỳ		3.896.703.425	3.896.703.425

*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)*

**Biểu số 2.27: Trích sổ cái TK 632**

Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán****Số hiệu: 632**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632		1.598.154.589
			Cộng SPS trong kỳ		1.598.154.589	1.598.154.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)*

**Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 632**

Đơn vị: Công Ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641		158.631.954
			Cộng SPS trong kỳ		158.631.954	158.631.954

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.29: Trích sổ cái TK 642**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.  
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Số hiệu: 642**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		539.626.415
			Cộng số phát sinh		539.626.415	539.626.415
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)



**Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 635**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính**

**Số hiệu: 635**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
...	....	...	....		....	....
31/12	PKT21	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		196.368.585
			Cộng số phát sinh		196.368.585	196.368.585
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)

**Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 911**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: **Xác định kết quả kinh doanh**

Số hiệu: **911**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
31/12	PKT19	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		3.896.703.425
31/12	PKT20	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	1.598.154.589	
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	158.631.954	
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	539.626.415	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	196.368.585	
.....	.....	....	.....	.....	....	....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>3.896.703.425</b>	<b>3.896.703.425</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công TNHH Nam Trang)

Dựa vào sổ cái TK 911, kế toán xác định lợi nhuận và lập phiếu kế toán số 21 để các định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Biểu số 2.32: Phiếu kế toán 21**

Công ty TNHH Nam Trang

Số 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Xác định thuế TNDN năm 2017	821	3334	280.784.376	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>280.784.376</b>	

*Bảng chữ:* hai trăm tám mươi triệu bảy trăm tám mươi tư ngàn ba trăm bảy mươi sáu đồng./

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu số 2.33: Phiếu kế toán số 22**

Công ty TNHH Nam Trang

Số 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	280.784.376	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>280.784.376</b>	

*Bảng chữ:* hai trăm tám mươi triệu bảy trăm tám mươi tư ngàn ba trăm bảy mươi sáu đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**Biểu số 2.34: Phiếu kế toán số 23**

Công ty TNHH Nam Trang

Số 16 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>K/c lợi nhuận sau thuế</b>	<b>911</b>	<b>421</b>	<b>1.123.137.506</b>	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.123.137.506</b>	

*Bằng chữ: một tỉ một trăm hai mươi ba triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm lẻ sáu đồng./***Người lập biểu****Kế toán trưởng**

Căn cứ các phiếu kế toán số 21, 22, 23 kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu số 2.31

**Biểu số 2.35: Trích sổ Nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			385.859.687.695	385.859.687.695
....	....	....	....	....	...	....	....
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821	3334	280.784.376	280.784.376
31/12	PKT22	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	280.784.376	280.784.376
31/12	PKT23	31/12	K/c lãi	911	421	1.123.137.506	1.123.137.506
			<b>Cộng phát sinh năm</b>			<b>388.544.343.953</b>	<b>388.544.343.953</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.36: Trích sổ cái TK 911**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,  
TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: **Xác định kết quả kinh doanh**

Số hiệu: **911**

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
31/12	PKT19	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		3.896.703.425
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính	515	196.368.585	
31/12	PKT20	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	1.598.154.589	
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	158.631.954	
31/12	PKT20	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	539.626.415	
31/12	PKT22	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	280.784.376	
31/12	PKT23	31/12	K/c lãi	421	1.123.137.506	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>3.896.703.425</b>	<b>3.896.703.425</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.37: Trích sổ cái TK 821**

**Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang**  
**Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q. Ngô Quyền,**  
**TP. Hải Phòng**

**Mẫu số S03b-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**  
**Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN**  
**Số hiệu: 821**

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
31/12	PKT22	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	280.784.376	
31/12	PKT22	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911		280.784.376
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>		<b>280.784.376</b>	<b>280.784.376</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu số 2.38: Trích sổ cái TK 421**

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Trang  
Địa chỉ: 16 Điện Biên Phủ, P.Máy Tơ, Q.  
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối  
Số hiệu: 421

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lãi	911		1.123.137.506
			Cộng số phát sinh trong kỳ			1.123.137.506
			Số dư cuối kỳ			1.123.137.506

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Căn cứ vào Sổ cái các TK 511 (Biểu số 2.25), TK 632 (Biểu số 2.28), TK 642 (Biểu số 2.29), TK 635 (Biểu số 2.30), TK 821 (Biểu số 2.37), kế toán lập Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 như biểu số 2.39.



**Biểu số 2.39: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

PHỤ LỤC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Mẫu số: **B02- DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-  
BTC Ngày 22/12/2014)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2017

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Nam Trang

[03] Mã số thuế: 0200527315

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

[06] Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		3.896.703.425	2.022.123.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.896.703.425</b>	<b>2.022.123.608</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		1.598.154.589	807.231.271
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.298.548.836</b>	<b>1.214.892.337</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	295.103.011
7. Chi phí tài chính	22		196.368.585	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		196.368.585	-
8. Chi phí bán hàng	25		158.631.954	206.698.145
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		539.626.425	498.529.446
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.403.922.098</b>	<b>804.767.757</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.403.921.882</b>	<b>804.767.757</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		280.784.376	160.953.551
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.123.137.506</b>	<b>643.814.206</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH NAM TRANG****3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu,  
chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Nam  
Trang****3.1.1 Ưu điểm**

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý: Công ty đã tổ chức các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng, bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với chức năng kinh doanh của mình.

- Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty: Cơ cấu của phòng kế toán gọn nhẹ. Các cán bộ kế toán có lòng yêu nghề, có tính độc lập, nhiệt tình, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong hạch toán thống kê.

- Về hạch toán kế toán nói chung: nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành cụ thể:

+ Chứng từ kế toán: các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Kế toán sử dụng hệ thống tài chính kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành.

+ Về sổ sách kế toán: các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi các nội dung kinh tế.

+ Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: công ty nắm bắt nhanh những thông tin cần thiết, phù hợp với những thay đổi về chế độ kế toán đang áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại đơn vị.

+ Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm về tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu

của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

### 3.1.2 Hạn chế

- Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Công ty chưa mở sổ chi tiết doanh thu cho từng loại hình vận tải
- Công ty chưa mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh cho từng hoạt động và thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh

## 3.2 Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại công ty TNHH Nam Trang

### 3.2.1 Giải pháp 1: Áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Công ty nên lựa chọn cho mình phần mềm kế toán phù hợp để thông tin kinh tế được cập nhật nhanh chóng, chính xác, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý và nhu cầu sử dụng thông tin của người sử dụng.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm trên thị trường phục vụ cho công tác kế toán như: Misa, Fast, 3TSoft,...

#### Giao diện phần mềm kế toán Misa



▪ **Ưu điểm:**

- Giao diện: phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn một phiếu chỉ một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

- Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu – mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu tốt.

- Độ chính xác cao: có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm kế toán Misa cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực kỳ hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.<sup>3</sup>

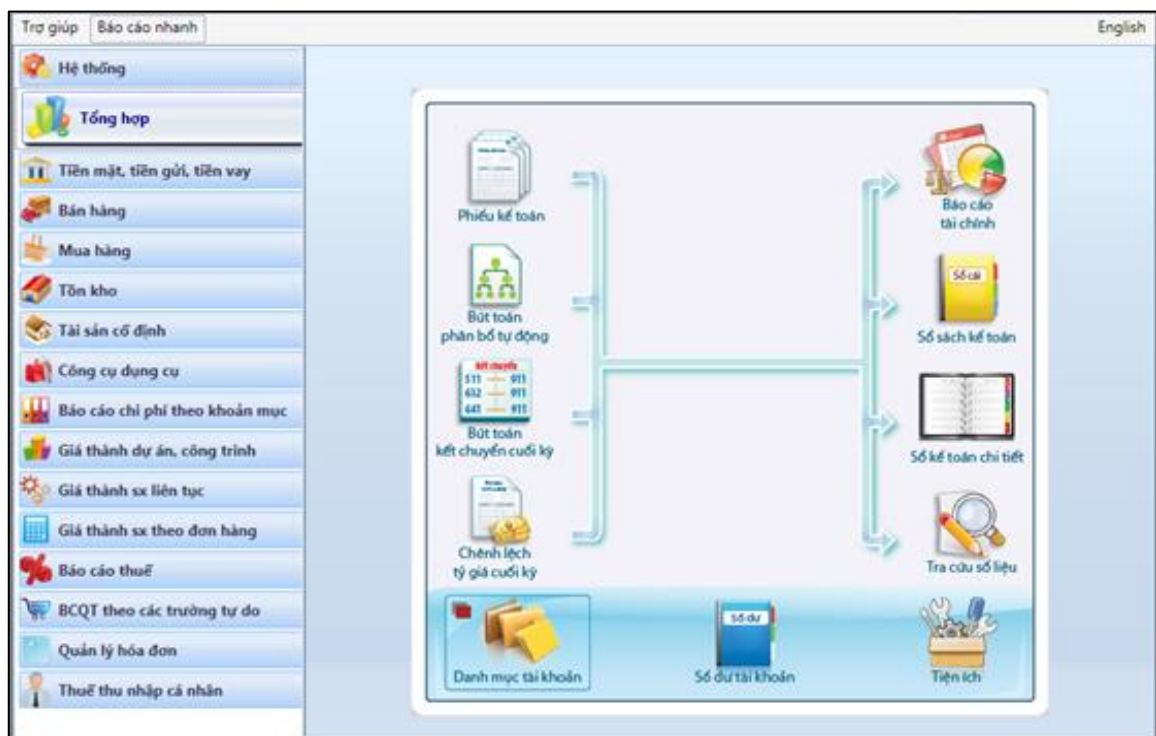
- Khả năng bảo mật: công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

▪ **Nhược điểm:**

- Vì có SQL nên nếu máy tính không có cấu hình cao thì Misa sẽ chạy ì ạch

- Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm

✚ **Giao diện phần mềm kế toán Fast:**



- **Ưu điểm:**
    - Giao diện: dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình
    - Tốc độ xử lý rất nhanh.
    - Cho phép kết xuất báo cáo ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp
    - Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
    - Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác
  - **Nhược điểm:**
    - Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ
    - Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được dữ liệu
- 🔗 **Giao diện phần mềm kế toán 3TSoft**

PHẦN HÀNH	THỐNG KÊ	NGHIỆP VỤ	BIỂU MẪU - BÁO CÁO	TIỆN ÍCH
Kế toán tiền mặt, tiền gửi		Phiếu nhập mua	Bảng kê phiếu nhập Bảng kê phiếu xuất	
Kế toán vật tư, hàng hoá		Phiếu chi phí mua	Bảng kê phiếu nhập - xuất Bảng kê hoá đơn bán hàng	
Kế toán công trình		Phiếu nhập nội bộ	Bảng kê hàng bán bị trả lại Sổ chi tiết bán hàng	
Kế toán sản xuất - giá thành		Phiếu xuất	Sổ chi tiết bán hàng (mẫu 2) Báo cáo bán hàng - theo mặt hàng	
Kế toán tài sản, công cụ, chi phí		Phiếu xuất điều chuyển	Báo cáo bán hàng - theo khách hàng Báo cáo bán hàng - theo bộ phận	
Kế toán tổng hợp		Hoá đơn bán hàng	Báo cáo bán hàng (Bộ phận - Mặt hàng) Báo cáo bán hàng (Khách hàng - Mặt hàng)	
Quản lý kho		Hàng bán bị trả lại	Báo cáo bán hàng (Mặt hàng - Khách hàng) Phân tích hiệu quả kinh doanh - theo mặt h...	
Quản trị hệ thống		Xuất trả lại người bán		Tính giá vốn Tính khấu hao Bút toán khoá sổ Đánh giá tỷ giá cuối kỳ Hỗ trợ trực tuyến

- **Ưu điểm:**
  - Dùng thử không giới hạn
  - Đầy đủ các tiện ích
  - Không giới hạn số máy tính sử dụng
  - Cho phép kết nối dữ liệu Internet
  - Cho phép cập nhật dữ liệu từ excel
- **Nhược điểm:**
  - Hay xảy ra lỗi
  - Độ bảo mật chưa cao

**3.2.2 Giải pháp 2: Mở sổ chi tiết doanh thu cho từng loại hình vận tải**

Công ty nên mở sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng loại hình kinh doanh vận tải để giúp công ty có thể theo dõi cụ thể và rõ ràng hơn

Đề xuất mẫu số: Sổ chi tiết doanh thu (Biểu số 3.1), Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu (Biểu số 3.2)

**Biểu số 3.1: Sổ chi tiết doanh thu**

Đơn vị:

**Mẫu số S17 - DNN**

Địa chỉ:

(Ban hàng theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU****Loại doanh thu:****Năm:**

Đơn vị tính: VND

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
			Cộng số phát sinh trong kỳ			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 3.2: Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu**

Đơn vị:

**Mẫu số S17 - DN**

Địa chỉ:

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính)**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU**

Năm:

STT	Loại doanh thu	Số tiền	
		Nợ	Có
1			
2			
3			
...			
	<b>Tổng</b>		

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**3.4.3 Giải pháp 3: Mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh cho từng hoạt động và thực hiện công tác phân tích chi phí nhằm tăng cường quản lý chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.**

Hiện nay công ty đã mở sổ cái TK 641,642 để theo dõi chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, trong đó chưa theo dõi được các yếu tố chi phí. Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 641, 642 để theo dõi chi tiết cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí

Đề xuất mẫu số: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.3)

**Biểu số 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Địa chỉ:

**Mẫu số: S36 - DN**

Đơn vị:

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ tài chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản:

Tên phân xưởng

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng SPS trong kỳ						
			Ghi có TK						
			Số dư cuối kỳ						

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



## KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang đã giải quyết một số vấn đề sau:

Về mặt lý luận:

Đưa ra được những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đưa ra được những lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát được tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn:

- Đề tài đã phản ánh thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Trang.

- Đề tài đã đánh giá được ưu và nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

- Đề tài đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Trang như sau:

- *Kiến nghị về việc hiện đại hóa trong công tác kế toán*
- *Kiến nghị về mở sổ chi tiết doanh thu cho từng loại hình vận tải*
- *Kiến nghị về việc mở sổ chi tiết chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cho từng hoạt động*

Do thời gian thực tập có hạn và vốn kiến thức còn hạn hẹp nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô, cùng cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

---

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 200/2014/QĐ (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Nam Trang (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.